MỤC PHỤ PHỤ LỤC MINH CHỨNG CTĐT TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ 2015

TT	Nội dung Quyết định, biên bản	Trang
1	Quyết định chuyển đổi tên chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ (QĐ 3774/QĐ-BGDĐT) ngày 19 tháng 9 năm 2012	1
2	Quyết định quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của trường (QĐ629/QĐ-MĐC) ngày 15/5/2015	5
3	Quyết định về việc thành lập tổ công tác rà soát, xây dựng CTĐT trình độ tiến sĩ, thạc sĩ (QĐ 573/QĐ-MĐC) ngày 5/5/2015	6
4	Quyết định kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ (QĐ 564/QĐ-MĐC) ngày 5/5/2015	10
5	Quyết định về việc biên soạn, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần (QĐ 565/QĐ-MĐC) ngày 5/5/2015	13
6	Báo cáo kết quả rà soát CTĐT	16
7	Biên bản hội thảo về việc điều chỉnh CTĐT	19
8	Quyết định Hội đồng thẩm định CTĐT và biên bản họp Hội đồng thẩm định	21
9	Biên bản họp bộ môn về việc điều chỉnh CTĐ	23
10	Báo cáo về việc điều chỉnh CTĐT	39
11	Biên bản họp bộ môn về việc điều chỉnh đề cương chi tiết học phần	41
12	Quyết định thành lập Hội đồng KH&ĐT khoa	51
13	Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT khoa về rà soát, điều chỉnh CTĐT và đề cương chi tiết học phần	53
14	Quết định thành lập hội đồng khoa học Trường đại học Mỏ - Địa chất (QĐ: 211/QĐ-MĐC) ngày 4/5/2011	57
15	Quyết định về việc kiện toàn hội đồng khoa học Trường đại học Mỏ - Địa chất (QĐ: 1673/QĐ-MĐC) ngày 15/12/2015	63
16	Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT trường Đại học Mỏ - Địa Chất	65
17	Quyết định ban hành CTĐT thạc sĩ (QĐ: 1803/QĐ-MĐC) ngày 31/12/2015	66A
18	CTĐT trình độ thạc sĩ năm 2015	67
19	Đề cương chi tiết học phần trình độ thạc sĩ năm 2015	74
20	Kế hoạch học tập	368
21	Bảng đối chiếu, so sánh CTĐT thạc sĩ của ngành, chuyên ngành năm 2015 với CTĐT trong nước và ngoài nước	389
22	Các CTĐT Bộ môn đã tham khảo để đối chiếu, so sánh	392
23	Bảng đối chiếu, so sánh CTĐT thạc sĩ của ngành, chuyên ngành năm 2015 với CTĐT năm 2014	422
24	Quyết định chuẩn đầu ra (QĐ1873/QĐ-MĐC) ngày 14/10/2016	430
25	Nội dung chuẩn đầu ra	431

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 3774 /QĐ-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
ĐẾN Số: 283
Ngày: 25/9/2012
Chuyển: ...

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển đổi tên chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển đổi tên các chuyên ngành đã được giao đào tạo ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất sang Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

SAO Y BẢN CHÍNH
Số: ...../MDC ngày.....tháng.....năm 20.....
TL.HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH
Ths. Dương Thị Tuyết Nhung

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CẤP IV TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, TIẾN SĨ
của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

(Kèm theo Quyết định số 8774 /QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Trình độ đào tạo	Các chuyên ngành đào tạo hiện tại của cơ sở đào tạo		Danh mục giáo dục đào tạo của CSĐT theo TT 04/2012/TT-BGDĐT	
		Tên chuyên ngành	Số, ngày QĐ chuyển đổi mã số theo QĐ 44/2002 hoặc QĐ giao nhiệm vụ sau tháng 10/2002	Mã số	Tên gọi
A	THẠC SĨ				
1		Khai thác mỏ	3208/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 16/6/2004	60520603	Khai thác mỏ
2		Kỹ thuật trắc địa	nt	60520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3		Địa chất học	Nt	60440201	Địa chất học
4		Thạch học, khoáng vật học và địa hóa học	nt	60440205	Khoáng vật học và địa hóa học
5		Địa chất khoáng sản và thăm dò	nt	60520501	Kỹ thuật địa chất
6		Địa chất thủy văn	nt		
7		Địa chất công trình	nt		
8		Địa vật lý	nt	60520502	Kỹ thuật địa vật lý
9		Kỹ thuật máy và thiết bị mỏ, dầu khí	nt	60520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
10		Điện khí hóa mỏ	Nt	60520202	Kỹ thuật điện
11		Xây dựng công trình ngầm, mỏ và công trình đặc biệt	nt	60580204	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm

12		Kỹ thuật khoan thăm dò và khảo sát	nt	60520604	Kỹ thuật dầu khí
13		Kỹ thuật khoan, khai thác và công nghệ dầu khí	nt		
14		Tuyển khoáng	nt	60520607	Kỹ thuật tuyển khoáng
15		Kinh tế công nghiệp	nt	60340410	Quản lý kinh tế
16		Bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	nt	60440214	Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý
17		Tự động hóa	nt	60520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
18		Kỹ thuật hóa dầu	2712/QD-BGDĐT, ngày 05/7/2010	60520301	Kỹ thuật hóa học
B	**TIẾN SĨ**				
1		Địa chất công trình	3208/QĐBGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 16/6/2004	62520501	Kỹ thuật địa chất
2		Địa chất tìm kiếm và thăm dò	nt		
3		Địa chất thủy văn	nt		
4		Địa chất dầu khí	nt		
5		Khoáng sản học	nt		
6		Kỹ thuật máy và thiết bị mỏ	nt	62520116	Kỹ thuật cơ khí động lực
7		Khai thác mỏ hầm lò	nt	62520603	Khai thác mỏ
8		Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên	nt		
9		Điện khí hóa mỏ	Nt	62520202	Kỹ thuật điện
10		Trắc địa ứng dụng	nt	62520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
11		Trắc địa cao cấp	nt		
12		Trắc địa ảnh và viễn thám	nt		

13		Xây dựng công trình ngầm và mỏ	nt	62580204	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm
14		Kinh tế công nghiệp	nt	62340410	Quản lý kinh tế

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 629 /QĐ-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

Căn cứ Điều lệ Trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định trong Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng các khoa, bộ môn, trưởng các đơn vị liên quan và học viên cao học thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

SAO Y BẢN CHÍNH
Số:...../MDC ngày.....tháng.....năm 20.....
TL.HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH
Ths. Dương Thị Tuyết Nhung

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website;
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: Phòng TCCB, DTSDH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 573 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập tổ công tác rà soát, xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập 15 tổ công tác rà soát, xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Các tổ công tác rà soát, xây dựng chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Các tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Bùi Xuân Nam

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTSĐH.

DANH SÁCH CÁC TỔ RÀ SOÁT, XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ VÀ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số 573 /QĐ-MĐC ngày 05 tháng 5 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Tổ	Thành viên các tổ	Nhiệm vụ	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo
1	PGS.TS Nguyễn Văn Lâm	Tổ trưởng	Kỹ thuật địa chất	ThS, TS
	PGS.TS Nguyễn Quang Luật	Thành viên		
	PGS.TS Lê Trọng Thắng	Thành viên		
	PGS.TS Lương Quang Khang	Thành viên		
	TS Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên		
	TS Bùi Trường Sơn	Thành viên		
	TS Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên		
2	PGS.TS Trần Thanh Hải	Tổ trưởng	Địa chất học	ThS, TS
	TS Hoàng Văn Long	Thành viên		
	TS Ngô Xuân Thành	Thành viên		
	TS Khương Thế Hùng	Thành viên		
	TS Nguyễn Quốc Phi	Thành viên		
3	PGS.TS Nguyễn Khắc Giảng	Tổ trưởng	Khoáng vật học và địa hóa học	ThS, TS
	PGS.TS Lê Tiến Dũng	Thành viên		
	PGS.TS Lê Thanh Mẽ	Thành viên		
	TS Đặng Thị Vinh	Thành viên		
	TS Bùi Hoàng Bắc	Thành viên		
4	PGS.TS Trần Đình Kiên	Tổ trưởng	Kỹ thuật dầu khí	ThS, TS
	TS Nguyễn Thế Vinh	Thành viên		
	TS Lê Quang Duyến	Thành viên		
	TS Triệu Hùng Trường	Thành viên		
	TS Nguyễn Văn Giáp	Thành viên		
5	PGS.TS Phan Thiên Hương	Tổ trưởng	Kỹ thuật địa vật lý	ThS, TS
	PGS.TS Lê Hải An	Thành viên		
	TS Phạm Văn Tuấn	Thành viên		
	TS Lê Ngọc Ánh	Thành viên		
	TS Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên		

6	TS Nguyễn Văn Xô	Tổ trưởng	Kỹ thuật cơ khí động lực	ThS, TS
	PGS.TS Vũ Nam Ngạn	Thành viên		
	TS Phạm Đức Thiên	Thành viên		
	TS Trần Trung Thành	Thành viên		
	TS Nguyễn Như Hùng	Thành viên		
7	TS Trần Thùy Dương	Tổ trưởng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	ThS, TS
	PGS.TS Nguyễn Quang Minh	Thành viên		
	PGS.TS Dương Vân Phong	Thành viên		
	PGS.TS Phạm Công Khải	Thành viên		
	TS Nguyễn Văn Sáng	Thành viên		
	TS Nguyễn Việt Hà	Thành viên		
	TS Trần Quỳnh An	Thành viên		
	TS Đinh Công Hòa	Thành viên		
	TS Nguyễn Thế Công	Thành viên		
8	PGS.TS Trần Xuân Trường	Tổ trưởng	Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý	ThS
	PGS.TS Nguyễn Trường Xuân	Thành viên		
	TS Trần Vân Anh	Thành viên		
	TS Trần Trung Anh	Thành viên		
	TS Nguyễn Văn Trung	Thành viên		
9	PGS.TS Bùi Xuân Nam	Tổ trưởng	Khai thác mỏ	ThS, TS
	PGS.TS Đặng Vũ Chí	Thành viên		
	TS Lê Văn Quyền	Thành viên		
	TS Vũ Đình Hiếu	Thành viên		
	TS Nguyễn Phi Hùng	Thành viên		
10	TS Đỗ Như Ý	Tổ trưởng	Kỹ thuật điện	ThS, TS
	PGS.TS Nguyễn Anh Nghĩa	Thành viên		
	PGS.TS Kim Ngọc Linh	Thành viên		
	PGS.TS Đinh Văn Thắng	Thành viên		
	TS Nguyễn Hanh Tiến	Thành viên		
11	TS Đỗ Ngọc Anh	Tổ trưởng	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	ThS, TS
	GS.TS Võ Trọng Hùng	Thành viên		
	PGS.TS Tạ Đức Thịnh	Thành viên		
	PGS.TS Nguyễn Xuân Mãn	Thành viên		
	TS Đào Viết Đoàn	Thành viên		

12	TS Nguyễn Duy Lạc	Tổ trưởng	Quản lý kinh tế	ThS, TS
	PGS.TS Đỗ Hữu Tùng	Thành viên		
	TS Đặng Huy Thái	Thành viên		
	TS Nguyễn Văn Bưởi	Thành viên		
	TS Bùi Thị Thu Thủy	Thành viên		
13	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Tổ trưởng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	ThS, TS
	TS Nguyễn Chí Tình	Thành viên		
	TS Phan Minh Tạo	Thành viên		
	TS Khổng Cao Phong	Thành viên		
	TS Đặng Văn Chí	Thành viên		
14	TS Nguyễn Anh Dũng	Tổ trưởng	Kỹ thuật hóa học	ThS
	PGS.TS Phạm Xuân Núi	Thành viên		
	PGS.TS Bùi Thị Lệ Thủy	Thành viên		
	TS Tống Thị Thanh Hương	Thành viên		
	TS Nguyễn Thị Linh	Thành viên		
15	PGS.TS Nguyễn Hoàng Sơn	Tổ trưởng	Kỹ thuật tuyển khoáng	ThS, TS
	TS Nhữ Thị Kim Dung	Thành viên		
	TS Phạm Hữu Giang	Thành viên		
	TS Phạm Văn Luận	Thành viên		
	TS Phạm Văn Hòa	Thành viên		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 564 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch thực hiện việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các khoa, bộ môn, đơn vị liên quan thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐTSĐH.

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VIỆC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ VÀ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số 564/2015/QĐ-MĐC, ngày 05/5/2015)

I. NỘI DUNG

1. Thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công việc.
2. Chuẩn bị tài liệu, dự trù kinh phí hỗ trợ công tác tổ chức thực hiện.
3. Phổ biến kế hoạch và quy trình tổ chức khai công việc đến các đơn vị.
4. Triển khai công việc:

- Tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi (tại cấp cơ sở);

- Tổ chức rà soát, đánh giá chương trình đào tạo và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh (cấp Trường);

- Hội đồng KH&ĐT xem xét thông qua các nội dung cần điều chỉnh;

- Cập nhật chương trình đào tạo được hội đồng KH&ĐT thông qua và trình trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Cập nhật chương trình đào tạo mới vào hệ thống QLĐT và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Ban chỉ đạo

- Thành phần: Hội đồng KH&ĐT Nhà trường, hội đồng KH&ĐT các khoa
- Nội dung: Thống nhất nội dung và quy trình triển khai công việc.

2. Công tác chuẩn bị tài liệu, dự trù kinh phí

- Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo sau đại học
- Đơn vị phối hợp: Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài vụ
- Thời gian dự kiến hoàn thành: trước 10/9/2015.

3. Phổ biến kế hoạch và quy trình triển khai công việc

- Chủ trì: Phòng Đào tạo sau đại học
- Thành phần: Thư ký hội đồng KH&ĐT các khoa; Các trưởng bộ môn
- Nội dung: Phổ biến kế hoạch và thống nhất quy trình triển khai công việc đến các đơn vị.
- Thời gian dự kiến hoàn thành: trước 31/12/2015

4. Triển khai công việc

TT	Nội dung công việc	Thực hiện	Thời gian hoàn thành và sản phẩm
1	Gửi cho các đơn vị bộ chương trình đào tạo gốc để triển khai	Phòng Đào tạo sau đại học	- Trước ngày 15/5/2015; - Sản phẩm: 15 CTĐT trình độ thạc sĩ và 13 CTĐT trình độ tiến sĩ và đề cương chi tiết các học phần phiên bản Tiếng Việt.
2	Tổ chức rà soát, đánh giá và đề xuất chương trình đào tạo (theo quy trình hướng dẫn chi tiết của Trường)	Các khoa; bộ môn	- Trước ngày 20/8/2015; - Sản phẩm: + Các đề xuất về nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT. + Các tài liệu khác liên quan.
3	Tổ chức rà soát và tổng hợp các nội dung đề xuất từ các Khoa	Phòng Đào tạo sau đại học	- Trước ngày 25/9/2015; - Sản phẩm: Các đề xuất điều chỉnh CTĐT.
4	- Trình Hội đồng KH&ĐT thông qua các nội dung đề xuất điều chỉnh - Tổ chức hội đồng thẩm định độc lập (nếu cần thiết).	Hội đồng Khoa học & Đào tạo	- Trước 30/10/2015; - Sản phẩm: Biên bản thông qua của Hội đồng KH & ĐT về các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT; Biên bản thống qua của Hội đồng thẩm định độc lập.
5	- Tiếp thu và hoàn thiện CTĐT theo các góp ý của Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng thẩm định độc lập. - Cập nhật các nội dung cần điều chỉnh vào CTĐT	Các Khoa/ Phòng Đào tạo sau đại học	- Trước ngày 30/11/2015; - Sản phẩm: Bộ CTĐT đã cập nhật các nội dung cần điều chỉnh
6	- Trình Hiệu trưởng ra QĐ ban hành; - Cập nhật trên hệ thống QLĐT; - Công bố công khai trên công thông tin điện tử của Trường. (áp dụng từ khóa cao học K32)	Phòng Đào tạo sau đại học	- Trước ngày 31/12/2015 - Sản phẩm: Bộ CTĐT mới.

Công tác rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo của Trường là việc làm thường xuyên và có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế của Nhà trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Hiệu trưởng yêu các đơn vị, cá nhân nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng kế hoạch, quy trình đề ra.

Trong quá trình triển khai công việc có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh các đơn vị báo cáo Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo sau đại học cho đồng chí Hà Ngọc Kiên - Phòng 302, Nhà C12 tầng Email: hangockien@humg.edu.vn) để kịp thời giải quyết./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số 565 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc biên soạn, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần trình độ tiến sĩ và thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hướng dẫn thực hiện việc biên soạn, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần cho chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (có Hướng dẫn kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các khoa, bộ môn và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

Phụ lục 1

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BIÊN SOẠN, ĐIỀU CHỈNH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số 565 /2015/QĐ-MĐC, ngày 05/5/2015)

Đề cương chi tiết học phần do giảng viên hoặc nhóm giảng viên cùng giảng dạy một học phần biên soạn dưới sự chỉ đạo của Trưởng bộ môn *(có mẫu kèm theo)*.

Đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập của học phần. Đề cương chi tiết học phần thể hiện toàn bộ kế hoạch giảng dạy và học tập của học phần, thông qua đó quá trình dạy và học được tiến hành theo đúng lộ trình đã được đặt ra, nhằm giúp học viên, NCS nâng cao tính tự học và tự nghiên cứu để đạt kết quả tốt nhất trong học tập. Để việc biên soạn, chỉnh sửa đề cương hoàn thành đúng kế hoạch, Nhà trường hướng dẫn một số mục như sau:

Mục 1. Thông tin chung về học phần

Nội dung kiến thức được tổ chức dưới các hình thức chủ yếu: lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu.

Do vậy, ở mỗi nội dung, giảng viên/nhóm giảng viên xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên. Để chuẩn bị cho 1 giờ lý thuyết người học cần 2 giờ chuẩn bị ở nhà, cho 2 giờ thực hành cần 1 giờ chuẩn bị, hoặc 3 giờ tự học, tự nghiên cứu đối với đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp và được biểu diễn dưới dạng:

- **A**(*x-y-z*): **A** là số tín chỉ của học phần, *x* giờ dạy lý thuyết, *y* giờ hướng dẫn thực hành/thí nghiệm hoặc thực tập, *z* giờ chuẩn bị/tự học hay tự nghiên cứu ở nhà.
- 1 tín chỉ học phần chỉ có lý thuyết, bài tập: **1(1-0-2);**
- 1 tín chỉ học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc thực tập: **1(0-2-1);**

(tương ứng với 2 giờ thực hành, thí nghiệm có sự hướng dẫn của giảng viên và 1 giờ chuẩn bị của người học)

- 1 tín chỉ học phần đồ án **1(0-0-3);**

Ví dụ:

- Học phần Cơ sở dữ liệu địa hình có số tín chỉ là 2 được biểu diễn dưới dạng: **2(2-0-4)**
- Học phần các mỏ khoáng kim loại có số tín chỉ là 3, trong đó có 2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực tập được biểu diễn dưới dạng: **3(2-2-5)**
  + 2 tín chỉ lý thuyết: **2 (2-0-4)**
  + 1 tín chỉ thực tập phòng TN: **1(0-2-1)**
- Học phần luận văn tốt nghiệp 13 tín chỉ: **13(0-0-39)**

Mục 2. Đơn vị quản lý học phần

Cung cấp những thông tin cơ bản về giảng viên tham gia giảng dạy (những giảng viên cùng giảng dạy) học phần, trợ giảng (nếu có) như họ tên, học hàm, học vị, địa chỉ liên hệ, mã cán bộ, (bộ môn, khoa, email, ...).

Mục 3. Điều kiện tiên quyết

Học phần tiên quyết hoặc học phần học trước là học phần cung cấp kiến thức nền và phải được dạy trước học phần được xây dựng đề cương.

Mục 4. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu của học phần gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học có được sau khi hoàn thành học phần.

Kiến thức: *Những kiến thức người học tích lũy được khi hoàn thành học phần;*

Kỹ năng:

- Kỹ năng làm việc nhóm;
- Kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định;
- Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt.

Mục 5. Tóm tắt nội dung học phần

Mô tả tóm tắt các nội dung chính giảng dạy trên lớp cho sinh viên (khoảng 10 dòng)

Mục 6. Cấu trúc nội dung học phần

Nêu nội dung chi tiết của học phần theo chương, mục lớn (hoặc theo các vấn đề chính của môn học), theo cấu trúc Chương 1 -> 1.1-> 1.1.1…., và khi học xong.các chương này người học sẽ tích lũy được những gì (Đánh số vào cột mục tiêu trong bảng 1- tương ứng với các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng ở mục 4)

Mục 10. Tài liệu học tập

- Giới thiệu tối thiểu 3 tài liệu bắt buộc;
- Tài liệu tham khảo xác định cho từng nội dung, có thể ghi rõ các phần hoặc các trang quan trọng trong tài liệu tham khảo, giúp sinh viên thuận tiện trong việc nghiên cứu tài liệu.

Mục 11. Hướng dẫn tự học của học phần

Để chuẩn bị cho 1 giờ lý thuyết sinh viên cần 2 giờ chuẩn bị ở nhà; 2 giờ thực hành cần 1 giờ chuẩn bị hoặc 3 giờ tự học, tự nghiên cứu đối với luận văn, luận án tốt nghiệp.

Những chương, mục nào giảng viên yêu cầu người học tự đọc, tự nghiên cứu, làm bài tập cần được liệt kê trong phần này.

Trên đây là một số hướng dẫn cơ bản để giảng viên/nhóm giảng viên tham khảo viết đề cương chi tiết học phần. Nhà trường yêu cầu các khoa, bộ môn tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên/nhóm giảng viên thực hiện viết đề cương học phần đúng quy định./.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; Trình độ: Thạc sĩ

Căn cứ vào kế hoạch rà soát, chỉnh sửa CTĐT trình độ Thạc sĩ đảm bảo tính liên thông dọc, liên thông ngang và đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng;

Căn cứ vào ý kiến phản hồi từ các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp, tham khảo từ các chương trình đào tạo của các trường trong nước và quốc tế, tổng hợp ý kiến các cuộc họp chuyên môn của đơn vị. Bộ môn Bộ môn Trắc địa cao cấp, Trắc địa công trình, Trắc địa phô thông, Địa chính, Trắc địa Mỏ báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung Chương trình đào tạo

1. Về mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mức độ phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường:

Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động:

Chương trình đào tạo Thạc sĩ đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan đơn vị, viên nghiên cứu,…sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo trong lĩnh vực Trắc địa – Bản đồ. Sau khi bảo vệ, các Thạc sĩ đã phát huy tốt năng năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu, đã thực hiện thành công nhiều đề tài NCKH các cấp, đảm trách nhiều chức vụ quan trọng ở các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu.

2. Về nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- Mức độ cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế:

Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật trình độ cao của 05 Bộ môn được đào tạo rất cơ bản ở các nước Nga, Hàn Quốc, Pháp, Trung Quốc,… đã liên tục cập nhật được những tri thức mới nhất, tiên tiến nhất của các nước để hội nhập tốt với các trường trong nước và quốc tế.

- Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn, cần có một số thay đổi và bổ sung sau:

+ Theo quy chế đào tạo Thạc sĩ, tổng số tín chỉ (TC) mà học viên phải hoàn thành là 45TC. Để cân đối giữa số tín chỉ bắt buộc (của Bộ GD&ĐT quy định, của cơ sở ngành thiết yếu), số tín chỉ tự chọn (chiếm 1/3) và luận văn tốt nghiệp. Nên cơ cấu thay đổi như

sau: số tín chỉ học phần (HP) bắt buộc là 18 TC (trong đó có Triết học là 3TC theo quy định của Bộ GD&ĐT), số tín chỉ học phần tự chọn là 14TC, số tín chỉ của luận văn là 13TC. Và đảm bảo số HP tự chọn có số tín chỉ nhiều hơn gấp rưỡi số tín chỉ được chọn, đảm bảo tính đa dạng trong nghiên cứu học tập, cần xây dựng bổ sung CTĐT cho nhóm HP tự chọn.

+ Căn cứ vào yêu cầu thay đổi cơ cấu như trên cần phải giảm thời lượng của các học phần bắt buộc từ 21TC xuống còn 18TC;

+ Giảm thời lượng các học phần cơ sở chuyên ngành thiết yếu từ 18TC xuống còn 15TC;

+ Giảm thời lượng các học phần tư chọn từ 16TC xuống còn 14TC;

+ Nên bổ sung thêm 3TC cho HP trong chương trình tự chọn ở hướng chuyên sâu Trắc địa cao cấp vì vậy nên bổ sung thêm HP "Đo trọng lực vệ tinh";

+ Nên bổ sung thêm học phần "Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia" (7050513) trong chuyên sâu Trắc địa Mỏ và quan trắc môi trường;

+ Rút bớt học phần "Công nghệ viễn thám" (7050301) trong các học phần chung

+ Sau khi cân đối thời lượng, số tín chỉ của luận văn thạc sĩ cần thay đổi theo hướng tăng từ 8TC lên thành 13TC vì nhu cầu chủ động trong nghiên cứu hoàn thành sản phẩm của đào tạo, hoàn thành một dự án nghiên cứu cụ thể, một sản phẩm mang tính thực tiễn, ứng dụng và sáng tạo cao.

- Đánh giá thời lượng của chương trình đào tạo: Thời lượng đào tạo hợp lý.

- Đánh giá mức độ liên thông ngang, dọc của chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Thạc sĩ là rất mềm dẻo, có khả năng liên kết với các Trường Đại học KHTN; Đại học TN&MT; Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Bách khoa thành phố HCM… và các trường có cùng đào tạo chuyên ngành kể cả ngành gần. Đầu vào có thể tuyển sinh các kỹ sư, cử nhân của các trường. Đầu ra: các Thạc sĩ có thể đảm trách tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, phục vụ sản xuất và nâng cao trình độ lên NCS ở cả trong nước và nước ngoài.

3. Về đề cương chi tiết học phần*(tóm tắt những điểm lạc hậu hoặc chưa phù hợp)*

- Về mục tiêu của học phần: Phù hợp;

- Về thời lượng, nội dung kiến thức của học phần: thời lượng hợp lý, nội dung được cập nhật hiện đại.

- Tài liệu tham khảo: từ cán bộ giảng dạy và hướng dẫn của 5 bộ môn và thư viện của Nhà trường hỗ trợ tốt cho quá trình học tập và nghiên cứu của học viên cao học.

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp:

Các ý kiến của các nhà hoa học, giảng viên, cán bộ quản lý, nhà tuyển dụng và người học đã có những ý kiến tương tự như các đánh giá trên (có các phiếu khảo sát và bản tổng hợp kèm theo)

Phần III. Kiến nghị:

Thư viện Nhà trường cần trang bị thêm tài liệu, tạp chí. Các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp cần hỗ trợ và tạo điều kiện cho học viên tham quan, thực tập và đặc biệt là tham gia các đề tài dự án, chương trình nghiên cứu phục vụ thực tiễn, triển khai ứng dụng các nghiên cứu sáng tạo của học viên cao học. Tạo điều kiện tốt nhất để học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp tục nâng cao trình độ.

BM Trắc địa cao cấp **Trưởng bộ môn**	**BM Trắc địa công trình** **Trưởng bộ môn**	**BM Trắc địa phổ thông** **Trưởng bộ môn**
Nguyễn Văn Sáng		
BM Trắc địa Mỏ **P. Trưởng bộ môn**	**BM Địa chính** **P. Trưởng bộ môn**	**KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI** **Trưởng khoa**
Phạm Công Thái	Phạm Thế Huynh	TS. Trần Thùy Dương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ -
KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ
VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2015

BIÊN BẢN HỘI THẢO
Về việc điều chỉnh CTĐT ở trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

Ngày 19/10/2015, Bộ môn Trắc địa cao cấp, Trắc địa công trình, Trắc địa phổ thông, Trắc địa Mỏ và Địa chính đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về việc điều chỉnh chương trình đào tạo (CTĐT) ở trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ.

Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng khoa học: Bộ môn Trắc địa cao cấp, Bộ môn Trắc địa công trình, Bộ môn Trắc địa phổ thông, Bộ môn Trắc địa Mỏ và Bộ môn Địa chính
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: TS Trần Thùy Dương;
- Thư ký: TS Nguyễn Việt Hà

NỘI DUNG:

1. TS Trần Thùy Dương chủ trì buổi hội thảo nêu lý do tổ chức cuộc họp.

2. TS Nguyễn Việt Hà thay mặt 05 Bộ môn trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc điều chỉnh CTĐT bậc Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong CTĐT Thạc sĩ Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ gồm: Thay đổi cơ cấu khối lượng tín chỉ của các nhóm HP bắt buộc, HP tự chọn, luận văn tốt nghiệp, lược bỏ và bổ sung thêm học phần trong chương trình đào tạo.

3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:

- PGS. TS Trần Khánh phát biểu:

Về kết cấu nội dung của CTĐT tổng số là 45 tín chỉ, nên phân bố tương đối đồng đều cho cả 3 phần: nhóm HP bắt buộc, nhóm học phần chuyên sâu và luận văn tốt nghiệp thể hiện tính gọn nhẹ và hiện đại của CTĐT. Do vậy việc tăng số tín chỉ của luận văn lên 13 cũng rất phù hợp vì tăng trách nhiệm, kiến thức tổng hợp và chất lượng khoa học của luận văn, từ đó gián tiếp tăng tính chủ động của học viên, đáp ứng nhu cầu và nhiệm vụ thực tiễn.

- TS Đinh Công Hòa phát biểu:

Đồng ý về chuyển đổi cơ cấu tín chỉ trong CTĐT, việc lược bớt học phần "Công nghệ viễn thám" trong nhóm các học phần chung là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với mục đích đào tạo của ngành.

- PGS. TS Đặng Nam Chinh phát biểu:

Việc bổ sung thêm các học phần "Đo trọng lực vệ tinh" trong hướng chuyên sâu Trắc địa cao cấp và học phần "Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia" trong hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ và quan trắc môi trườn"g thể hiện tính hiện đại, phù hợp thực

tiễn của sự phát triển công nghệ nghiên cứu đo đạc, điều này mang tính ứng dụng cao, rất cần thiết cho học viên cao học ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ.

- PGS. TS Nguyễn Quang Phúc phát biểu:

Việc cơ cấu lại CTĐT Thạc sĩ Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ thể hiện sự cầu tiến, hiện đại và dẫn dắt khoa học cho cơ sở sản xuất, nâng cao hiệu quả chất lượng của ngành thể hiện qua trình độ của các Thạc sĩ, gián tiếp nâng cao năng suất lao động, và khả năng phát triển nâng lên một trình độ mới.

- TS Nguyễn Thế Công phát biểu:

Rất đồng tình với việc cơ cấu lại và cập nhật các kiến thức mới vào chương trình đào tạo và đề cương chi tiết. Sự phát triển của các công nghệ trong thiết kế và thành lập bản đồ luôn luôn thay đổi, do đó các môn học cũng cần có sự thay đổi và cập nhật chi tiết hơn về các công nghệ tiên tiến liên quan nhằm đa dạng hóa các công nghệ kỹ thuật và tiếp cận với công nghệ mới trên thế giới.

- TS Vương Trọng Kha phát biểu:

Đồng ý với ý kiến của các Nhà khoa học về việc điều chỉnh chương trình đào tạo. Việc bổ sung và cập nhật các kiến thức mới vào đề cương chi là hết sức cần thiết. Chúng ta cần có sự điều chỉnh chương trình và đề cương chi tiết theo lộ trình để đảm bảo tính mới và liên thông giữa các bậc đào tạo, tiếp cận với công nghệ trên thế giới nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội.

4. Các thành viên trong Tổ soạn thảo CTĐT trao đổi và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong CTĐT.

5. TS Trần Thùy Dương (chủ trì cuộc họp) tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT.

Buổi hội thảo kết thúc hồi 11h00 cùng ngày, biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	CHỦ TRÌ
TS Nguyễn Việt Hà	TS TS Trần Thùy Dương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...1475.... /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học , Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các PHT (để thực hiện chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(01).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

(Kèm theo Quyết định số: 1475 /QĐ-MĐC ngày 15 / 10 /2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	PGS.TS Hoàng Xuân Thành	Viện KH Đo đạc và Bản đồ	Chủ tịch
2	TS Nguyễn Phi Sơn	Viện KH Đo đạc và Bản đồ	Thư ký
3	PGS.TS Nguyễn Quang Tác	Trường ĐH Kiến trúc	Phản biện
4	TS Nguyễn Bá Dũng	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường HN	Phản biện
5	TS Trần Hồng Quang	Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám VN	Ủy viên

Tổng số: 05 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hôm nay, ngày 29. tháng 10. năm 2015 tại Văn phòng Khoa Trắc địa - bản đồ và Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (mã số 52520503) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong HĐ
1	PGS.TS. Hoàng Xuân Thành	Đại học Thủy Lợi	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Phi Sơn	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	Thư ký
3	PGS. TS. Nguyễn Quang Tác	Đại học Kiến trúc	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	Ủy viên, Phản biện
4	TS. Nguyễn Bá Dũng	Đại học Tài nguyên và Môi trường HN	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	Ủy viên, Phản biện
5	TS. Trần Hồng Quang	Hội trắc địa bản đồ viễn thám Việt Nam	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	Ủy viên

II. Nội dung thẩm đinh

1. TS. Trần Thùy Dương, Trưởng khoa báo cáo về quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ mã số 52520503.

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo

a. Các phản biện lần lượt đọc nhận xét phản biện.

b. Hội đồng nêu câu hỏi, nhận xét

- Nhận xét về mục tiêu và hình thức của chương trình đào tạo

+ Mục tiêu đào tạo phù hợp với nội dung đào tạo, đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành trắc địa - bản đồ Việt Nam.

+ Hình thức của chương trình đạt yêu cầu.

+ Nội dung của chương trình được xây dựng có tham khảo chương trình đào tạo của các trường trong khu vực và trên thế giới đảm bảo tính hiện đại, có sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực tiễn.

+ Chương trình có tính mở, góp phần phát triển tốt tư duy của người học và phù hợp với trình độ đào tạo tiến sĩ mà trong đó người học tự nghiên cứu là chính.

- Thời lượng chương trình đào tạo

+ Khối lượng kiến thức được cung cấp qua các môn học phù hợp với thời gian đào tạo, có các học phần tự chọn cho phép học viên lựa chọn theo các hướng khác nhau.

+ Cấu trúc chương trình hợp lý.

+ Có sự phân bố hài hòa khối lượng kiến thức đặc trưng của trắc địa ứng dụng.

- Chất lượng chương trình đào tạo

+ Đề cương các học phần được trình bày rất chi tiết, được cập nhật và chỉnh sửa thường xuyên.

+ Cần tăng thêm các học phần mới, hướng nghiên cứu mới làm đa dạng hướng nghiên cứu để nghiên cứu sinh lựa chọn sau này.

3. Lãnh đạo Khoa và các bộ môn trả lời câu hỏi của các thành viên Hội đồng thẩm định

- Khi xây dựng chương trình cũng như đề cương chi tiết các môn học đã có điều tra về thực trạng nhân lực trong ngành trắc địa - bản đồ Việt Nam cũng như nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của Ngành.

- Đã tham khảo chương trình đào tạo, các chương trình nghiên cứu về trắc địa ứng dụng trong khu vực và trên thế giới để có thể xây dựng chương trình mang tính hiện đại, có thể hòa nhập được khu vực và thế giới.

- Các bộ môn nhất trí với các ý kiến phản biện, các ý kiến đóng góp ý xây dựng của các thành viên Hội đồng.

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín

- Sau khi trao đổi thảo luận về các nhận xét của các phản biện, thành viên của Hội đồng, giải trình của các bộ. Các thành viên Hội đồng đã bỏ phiếu kín.

- Ban kiểm phiếu được đề nghị gồm 03 thành viên:

1. PGS.TS. Nguyễn Quang Tác	Trưởng ban
2. TS. Nguyễn Bá Dũng	Ủy viên
3. TS. Trần Hồng Quang	Ủy viên

5. Kết quả thẩm định bằng phiếu

- Số phiếu đánh giá chương trình phát ra: 05
- Số phiếu đánh giá chương trình thu về: 05
- Số phiếu hợp lệ: 05
- Số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu đánh giá chương trình đạt yêu cầu: 05
- Số phiếu đánh giá chương trình không đạt yêu cầu: 0

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ mã số 52520503 do Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai xây dựng.

Chủ tịch Hội đồng	**Thư ký Hội đồng**
PGS. TS. Hoàng Xuân Thành	***TS. Nguyễn Phi Sơn***

K.T HIỆU TRƯỞNG

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
trình độ thạc sĩ

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: TS. Nguyễn Phi Sơn

Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Thư ký, Ủy viên

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo: Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

Mã số: 52520503

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Luật giáo dục, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo về đào tạo ở trình độ tiến sĩ, Quy định của trường Đại học Mỏ - Địa chất về đào tạo trình độ tiến sĩ.	Đáp ứng yêu cầu
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Đáp ứng được các yêu cầu đào tạo ở trình độ tiến sĩ	Đáp ứng yêu cầu
3	Cấu trúc chương trình đào tạo	Cấu trúc của chương trình có sự hợp lý về sự phân bố các kiến thức đặc trưng của trắc địa cao cấp	Đáp ứng yêu cầu
4	Thời lượng của chương trình đào tạo	Tuân thủ theo các quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành	Đáp ứng yêu cầu
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	- Đáp ứng được mục tiêu - Tham khảo các chương trình các trường trên thế giới nên phù hợp với xu thế của khu vực và thế giới đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta	Đáp ứng yêu cầu
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Đề cương chi tiết được trình bày rõ ràng tuy còn có một số nội dung cũ được trình bày hơi kỹ.	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác: Cần bổ sung nhiều hơn các nội dung kiến thức liên quan đến công nghệ mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế nước ta.
Kết luận chung: Chương trình đạt yêu cầu.

Thành viên Hội đồng thẩm định

TS. Nguyễn Phi Sơn

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
trình độ thạc sĩ

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: PGS.TS. Hoàng Xuân Thành

Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Chủ tịch

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo: Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

Mã số: 52520503

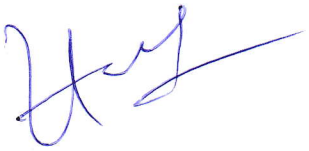
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Luật giáo dục, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo về đào tạo ở trình độ tiến sĩ, Quy định của trường Đại học Mỏ - Địa chất về đào tạo trình độ tiến sĩ.	Đáp ứng yêu cầu
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Đáp ứng được các yêu cầu đào tạo ở trình độ tiến sĩ	Đáp ứng yêu cầu
3	Cấu trúc chương trình đào tạo	Cấu trúc của chương trình có sự hợp lý về sự phân bố các kiến thức đặc trưng của trắc địa cao cấp	Đáp ứng yêu cầu
4	Thời lượng của chương trình đào tạo	Tuân thủ theo các quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành	Đáp ứng yêu cầu
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	- Đáp ứng được mục tiêu - Tham khảo các chương trình các trường trên thế giới nên phù hợp với xu thế của khu vực và thế giới đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta	Đáp ứng yêu cầu
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Đề cương chi tiết được trình bày rõ ràng tuy còn có một số nội dung cũ được trình bày hơi kỹ.	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác: Cần bổ sung nhiều hơn các nội dung kiến thức liên quan đến công nghệ mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế nước ta.

Kết luận chung: Chương trình đạt yêu cầu.

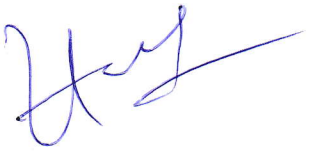
Thành viên Hội đồng thẩm định



PGS.TS. Hoàng Xuân Thành

Những ý kiến khác: Cần bổ sung nhiều hơn các nội dung kiến thức liên quan đến công nghệ mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế nước ta.
Kết luận chung: Chương trình đạt yêu cầu.

Thành viên Hội đồng thẩm định



PGS.TS. Hoàng Xuân Thành

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
trình độ thạc sĩ

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Quang Tác

Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo: Bộ môn Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ

Mã số: 60520503

Trình độ đào tạo: thạc sĩ

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Luật giáo dục, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo về đào tạo ở trình độ thạc sĩ, Quy định của trường Đại học Mỏ - Địa chất về đào tạo trình độ thạc sĩ.	Đáp ứng yêu cầu
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Đáp ứng được các yêu cầu đào tạo ở trình độ thạc sĩ	Đáp ứng yêu cầu
3	Cấu trúc chương trình đào tạo	Cấu trúc của chương trình có sự hợp lý về sự phân bố các kiến thức đặc trưng của trắc địa cao cấp	Đáp ứng yêu cầu
4	Thời lượng của chương trình đào tạo	Tuân thủ theo các quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành	Đáp ứng yêu cầu
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	- Đáp ứng được mục tiêu -Tham khảo chương trình các trường trên thế giới nên phù hợp với xu thế của khu vực và thế giới đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta	Đáp ứng yêu cầu
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Đề cương chi tiết được trình bày rõ.	Đáp ứng yêu cầu

Kết luận chung:*(trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,)* Chương trình chuyên ngành Trắc địa công trình như đề cương là phù hợp và đạt yêu cầu với trình độ thạc sĩ.

Thành viên Hội đồng thẩm định

PGS.TS. Nguyễn Quang Tác

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ thạc sĩ

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: TS Nguyễn Bá Dũng

Chức danh trong Hội đồng thẩm định: ủy viên phản biện

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo: Bộ môn Trắc địa mỏ, Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo: Ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ, hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ và quan trắc môi trường.

Mã số: 60 52 05 03

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hạy không đáp ứng yêu câu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Luật giáo dục, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo về đào tạo ở trình độ thạc sĩ, Quy định của trường Đại học Mỏ - Địa chất về đào tạo trình độ thạc sĩ.	Đáp ứng yêu cầu
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	- Mục tiêu đào tạo rõ ràng. - Các mục tiêu về kỹ năng, kiến thức được trình bày chi tiết, đầy đủ.	Đáp ứng yêu cầu
3	Cấu trúc chương trình đào tạo	- Cấu trúc của chương trình phù hợp với mục tiêu. - Chương trình có tính mở, liên thông với các kiến thức mà người học đã được trang bị trước đó.	Đáp ứng yêu cầu
4	Thời lượng của chương trình đào tạo	- Tuân thủ theo các quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành - Chương trình được xây đựng thể hiện tính linh hoạt với thời gian đào tạo.	Đáp ứng yêu cầu

5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	- Đáp ứng được mục tiêu - Tham khảo các chương trình các trường trên thế giới nên phù hợp với xu thế của khu vực và thế giới đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta	Đáp ứng yêu cầu
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	- Đề cương chi tiết dược trình bày rõ ràng - Tài liệu tham khảo là các tài liệu của các nhà nghiên cứu hàng đầu thế giới nên có tính cập nhật và hiện đại. - Cần xây dựng thêm các môn học, hướng nghiên cứu mới.	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác:.....

.....

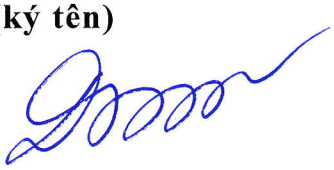
.....

.....

Kết luận chung: *Chương trình đạt yêu cầu.*

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký tên)



TS. Nguyễn Bá Dũng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ
(Hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ và quan trắc môi trường)

I. Những vấn đề chung

1. Tên ngành đào tạo: Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
   Tên tiếng Anh: SURVEYING AND MAPPING ENGINEERING
2. Mã số: 60520503
3. Khoa chủ quản: Khoa Trắc địa – Bản đồ và Quản lý đất đai

II. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật trắc địa - bản đồ có trình độ nâng cao về trắc địa cao cấp, trắc địa công trình, đo đạc địa chính, đo đạc địa hình, trắc địa mỏ và quan trắc môi trường. Thạc sĩ Kỹ thuật trắc địa - bản đồ được trang bị kiến thức chuyên sâu và kỹ năng tay nghề tốt, có khả năng giải quyết những vấn đề của thực tiễn sản xuất và các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực có liên quan.

Thạc sĩ Kỹ thuật trắc địa - bản đồ có thể làm nghiên cứu sinh, viết và bảo vệ luận án để nhận bằng tiến sĩ.

III. Chương trình đào tạo

1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo:
   Khối lượng kiến thức: 45 TC
   Thời gian đào tạo: 1,5 năm
2. Cấu trúc chương trình đào tạo

2.1. Nhóm các học phần bắt buộc: 21 TC

Bao gồm:

2.1.1. Các học phần chung: Triết học 3 TC
2.1.2. Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu: 18 TC
2.2. Nhóm học phần tự chọn: 16 TC
2.3. Luận văn thạc sĩ: 8 TC

IV. Khối lượng kiến thức

TT	Mã số	Tên nhóm kiến thức và học phần	K.lượng (TC)	Cán bộ giảng dạy
I	**Nhóm các học phần bắt buộc**		**21**	
I.1	**Các học phần học chung**		**3**	
1	7020101	Triết học	3	BM Nguyên lý CN Mác-LN
I.2	**Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu**		**18**	
2	7050201	Định vị không gian	3	TS Vũ Văn Trí TS Nguyễn Văn Sáng
3	7050401	Tính toán bình sai trắc địa	3	GS.TSKH Hoàng Ngọc Hà TS Đinh Công Hoà
4	7050101	Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình	3	PGS.TS Trần Khánh TS Nguyễn Việt Hà
5	7050301	Công nghệ viễn thám	3	PGS.TS Phạm Vọng Thành PGS.TS Nguyễn Trường Xuân
6	7050601	Các phương pháp trắc địa- bản đồ trong quản lý đất đai	3	TS Trần Thùy Dương
7	7050501	Các phương pháp trắc địa- bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	3	GS.TS Võ Chí Mỹ TS Vương Trọng Kha
II	**Nhóm các học phần tự chọn (học viên chọn 16 TC theo hướng chuyên sâu)**		**16**	
40	7050502	Ứng dụng kỹ thuật laser trong trắc địa mỏ	2	TS Vương Trọng Kha

				TS Bùi Thị Thanh Lan
41	7050503	Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ	2	PGS.TS Trần Đình Tô
42	7050202	Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động	3	PGS TS Đặng Nam Chinh
43	7050326	Đo vẽ mỏ lộ thiên bằng phương pháp ảnh số	2	PGS.TS Trần Đình Trí TS Trần Trung Anh
44	7050504	Xây dựng cơ sở dữ liệu mỏ- địa chất bằng công nghệ GIS	2	PGS.TS Phạm Công Khải PGS.TS Kiều Kim Trúc
45	7050505	Ứng dụng công nghệ mới trong nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá và bề mặt mỏ	2	TS Vương Trọng Kha
46	7050506	Tự động hóa quá trình hình học hóa khoáng sản dạng vỉa	2	PGS.TS Kiều Kim Trúc PGS.TS Phạm Công Khải
47	7050507	Ứng dụng kỹ thuật trắc địa- bản đồ trong quy hoạch môi trường	3	GS TS Võ Chí Mỹ
48	7050508	Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường	3	GS.TS Võ Chí Mỹ TS Vương Trọng Kha
49	7050509	Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược	2	GS.TS Võ Chí Mỹ
50	7050510	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường trong hệ thống thông tin địa lý	2	PGS.TS Nguyễn Trường Xuân
51	7050511	Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất	2	PGS.TS Phạm Công Khải PGS.TS Nguyễn Xuân Thụy
52	7050301	Công nghệ viễn thám	2	PGS.TS Trần Xuân Trường PGS.TS Nguyễn Trường Xuân
53	7050512	Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên	2	PGS.TS Kiều Kim Trúc
III	7050630	**Luận văn thạc sĩ**	**8**	
		Tổng	**45**	

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên nhóm kiến thức và học phần	K.lượng (TC)					Học kỳ
			Tổng	LT	BT	TH	TL	
I	**Nhóm các học phần bắt buộc**		**21**					
I.1	**Các học phần học chung**		**3**					
1	7020101	Triết học	3					1
I.2	**Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu**		**18**					
2	7050201	Định vị không gian	3	3				1
3	7050401	Tính toán bình sai trắc địa	3	3				1
4	7050101	Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình	3	3				1
5	7050601	Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai	3	3				1
6	7050501	Các phương pháp trắc địa- bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	3	3				2
II	**Hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ và quan trắc môi trường (học viên chọn 16 TC theo hướng chuyên sâu)**		**16**					
40	7050502	Ứng dụng kỹ thuật laser trong trắc địa mỏ	2					2
41	7050503	Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ	2					2
42	7050202	Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động	2					2

43	7050326	Đo vẽ mỏ lộ thiên bằng phương pháp ảnh số	2					2
44	7050504	Xây dựng cơ sở dữ liệu mỏ- địa chất bằng công nghệ GIS	2					2
45	7050505	Ứng dụng công nghệ mới trong nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá và bề mặt mỏ	2					2
46	7050506	Tự động hóa quá trình hình học hóa khoáng sản dạng vỉa	2					2
47	7050507	Ứng dụng kỹ thuật trắc địa- bản đồ trong quy hoạch môi trường	3					2
48	7050508	Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường	3					2
49	7050509	Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược	2					2
50	7050510	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường trong hệ thống thông tin địa lý	2					2
51	7050511	Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất	2					2
52	7050301	Công nghệ viễn thám	2					2
53	7050512	Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên	2					2
III	7050630	**Luận văn thạc sĩ**	**8**					3
		Tổng	**45**					

NHỮNG HỌC PHẦN BỘ MÔN TRẮC ĐỊA MỎ QUẢN LÝ

TT	Mã số	Học phần	K.lượng (TC)	Ngành đào tạo
1	7050501	Các phương pháp trắc địa- bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	7050502	Ứng dụng kỹ thuật laser trong trắc địa mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	7050503	Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	7050504	Xây dựng cơ sở dữ liệu mỏ- địa chất bằng công nghệ GIS	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	7050505	Ứng dụng công nghệ mới trong nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá và bề mặt mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	7050506	Tự động hóa quá trình hình học hóa khoáng sản dạng vỉa	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	7050507	Ứng dụng kỹ thuật trắc địa- bản đồ trong quy hoạch môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
8	7050508	Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
9	7050509	Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
10	7050510	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường trong hệ thống thông tin địa lý	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
11	7050511	Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
12	7050512	Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
13	7050530	Luận văn thạc sĩ	8	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: TS Trần Hồng Quang

Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo: Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo: Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

Mã số: 52520503

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Luật giáo dục, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Quy định của trường Đại học Mỏ - Địa chất.	Đáp ứng yêu cầu
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Mục tiêu phù hợp với nội dung của chương trình đào tạo	Đáp ứng yêu cầu
3	Cấu trúc chương trình đào tạo	Cấu trúc của chương trình hợp lý, có sự hợp lý về sự phân bố các kiến thức đặc trưng của ngành trắc địa - bản đồ	Đáp ứng yêu cầu
4	Thời lượng của chương trình đào tạo	Thời lượng của chương trình đào tạo hợp lý với mục tiêu đào tạo.	Đáp ứng yêu cầu
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	- Đáp ứng được mục tiêu - Tham khảo các chương trình các trường trên thế giới nên phù hợp với xu thế của khu vực và thế giới đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta	Đáp ứng yêu cầu
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Đề cương chi tiết được trình bày rõ ràng, phương pháp dùng giảng dạy hiện đại, tài liệu tham khảo phong phú và cập nhật.	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác: Khi lên lớp giảng dạy theo đề cương các môn học như đã được lập, giảng viên cần liên tục cập nhật kiến thức và công nghệ mới. Đặc biệt tăng cường các kiến thức sử dụng các trị đo không gian như các hệ thống định vị toàn cầu, đo cao vệ tinh, trọng lực vệ tinh ….

Kết luận chung:*(trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,)* Chương trình đạt yêu cầu.

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký tên)



TS Trần Hồng Quang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QLĐĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ Ở TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Chức danh khoa học, họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong HĐ	Ghi chú
1	PGS.TS Hoàng Xuân Thành	Đại học Thủy Lợi	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	Chủ tịch HĐ	
2	TS. Nguyễn Phi Sơn	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	Thư ký	
3	PGS. TS Nguyễn Quang Tác	Đại học Kiến trúc	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	Phản biện	
4	TS. Nguyễn Bá Dũng	Trường ĐH Tài nguyên và môi trường Hà Nội	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	Phản biện	
5	TS. Trần Hồng Quang	Hội Trắc địa bản đồ viễn thám VN	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	Ủy viên	

TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Thùy Dương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành: Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ; Trình độ: Thạc sĩ

Thực hiện mục tiêu chất lượng chỉnh sửa, rà soát CTĐT trình độThạc sĩ đảm bảo tính liên thông dọc, liên thông ngang và đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào ý kiến phản hồi từ các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp, tham khảo từ các chương trình đào tạo của các trường trong nước và quốc tế.

Được sự phân công của lãnh đạo, từ tháng 6/2015 đến tháng 9/2015 nhóm chỉnh sửa chương trình đào tạo của 05 bộ môn Trắc địa cao cấp, Trắc địa công trình, Trắc địa phổ thông, Trắc địa mỏ và Địa chính đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ trình độ Thạc sĩ, các nội dung đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Về mục tiêu của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Theo quy chế		Quy chế đào tạo Thạc sĩ	

2. Về nội dung của chương trình

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	- Bỏ HP "Công nghệ viễn thám" trong các học phần chung	Không phù hợp với hướng đào tạo của ngành.	Căn cứ theo sự phát triển của các lĩnh vực KH. Căn cứ theo yêu cầu của các lĩnh vực ứng dụng thực tế.	TT07/2015/TT-BGD&ĐT
2	- Bổ sung thêm HP "Đo trọng lực vệ tinh" trong chuyên	- Bổ sung thêm HP với mục đích tăng sự lựa chọn cho học	Căn cứ theo sự phát triển của các lĩnh vực KH.	TT 07/2015/TT-BGD&ĐT

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
	sâu Trắc địa cao cấp	viên ở hướng chuyên sâu Trắc địa cao cấp vì HP này ở chương trình đại học của chuyên ngành Bản đồ chưa được giới thiệu.	Căn cứ theo yêu cầu của các lĩnh vực ứng dụng thực tế.	
3	Bổ sung thêm HP "Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia" trong chuyên sâu Trắc địa mỏ và Quan trắc môi trường	Nhu cầu nâng cao kiến thức mới và ứng dụng trong thực tiễn	Căn cứ theo sự phát triển của các lĩnh vực KH. Căn cứ theo yêu cầu của các lĩnh vực ứng dụng thực tế.	TT 07/2015/TT-BGD&ĐT

3. Về đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Đo trọng lực vệ tinh	Xây dựng mới	Như lý do bổ sung ở trên	Theo đề cương chi tiết	BM Trắc địa cao cấp phụ trách
2	Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia	Xây dựng mới	Như lý do bổ sung ở trên	Theo đề cương chi tiết	BM Trắc địa Mỏ phụ trách

BM Trắc địa cao cấp
Trưởng bộ môn

Nguyễn Văn Sáng

BM Trắc địa công trình
Trưởng bộ môn

BM Trắc địa phổ thông
Trưởng bộ môn

BM Trắc địa Mỏ
Trưởng bộ môn

Phạm Công Khai

BM Địa chính
Trưởng bộ môn

Phạm Thế Huynh

KHOA TRẮC ĐỊA – BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
Trưởng khoa

TS. Trần Thùy Dương

KHOA TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ
VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
BỘ MÔN TRẮC ĐỊA CAO CẤP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ

Thời gian: 14h00 ngày 24 tháng 11 năm 2015

Thành phần: Toàn thể các thành viên của Bộ môn tham gia đào tạo thạc sĩ và các cán bộ thỉnh giảng.

Chủ tọa: TS. Nguyễn Văn Sáng, Trưởng Bộ môn

Thư ký: TS Vũ Văn Trí

NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1. TS. Nguyễn Văn Sáng, Trưởng Bộ môn Trắc địa cao cấp báo cáo tóm tắt nội dung chương trình đào tạo và đề cương các học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ.

2. Ý kiến của các thành viên tham gia họp:

- Các đề cương viết hơi sơ sài, không cụ thể, chưa chi tiết nên người học rất khó để tự học.

- PGS.TS Đặng Nam Chinh: Phải chỉnh sửa lại các đề cương, đặc biệt là mục tiêu của học phần cần nói rõ các kiến thức, kỹ năng mà học viên cần đạt được.

- PGS.TS Dương Vân Phong: Các đề cương trước đây của Bộ môn khá sơ sài, mới chỉ nêu các đầu mục các chương trong nội dung học phần, chưa thể hiện đầy đủ số tín chỉ lý thuyết, thực hành, bài tập,….

- TS Lê Minh Tá: Đồng ý với các ý kiến trên, đề cương cần phải viết thật chi tiết và chắc chắn sẽ công bố cho học viên để học viên kết hợp học trên lớp với tự học ở nhà.

* Các ý kiến khác:

- Tài liệu tham khảo: từ cán bộ giảng dạy và hướng dẫn của bộ môn và thư viện của Nhà trường hỗ trợ tốt cho quá trình học tập và nghiên cứu của học viên cao học.

- Nhìn chung đều đồng ý chỉnh sửa lại đề cương cho phù hợp.

3. TS. Nguyễn Văn Sáng tổng kết các ý kiến:

Bộ môn sẽ xem xét những bất hợp lý trong từng đề cương. Đề nghị các thầy cô chỉnh sửa lại đề cương theo đúng thông tư hướng dẫn.

Phiên họp kết thúc vào hồi 16h00 cùng ngày.

Thư ký	**Chủ tọa**
TS Vũ Văn Trí	**TS. Nguyễn Văn Sáng**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA
BỘ MÔN TRẮC ĐỊA MỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày……tháng ……năm 2015

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

V/v: *kết luận rà soát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần*

Hệ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành: Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ
Chuyên sâu: Trắc địa mỏ và quan trắc môi trường

1. Thời gian: ngày…….tháng…….năm 2015
2. Địa điểm: Tại VP Bộ môn Trắc địa mỏ, Phòng 10.08, tầng 10, nhà C12 tầng, Đại học Mỏ-Địa chất, số 18 phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.
3. Thành phần cuộc họp:
Chủ trì: TS. Vương Trọng Kha – Trưởng Bộ môn Trắc địa mỏ
Thư ký: KS. Phạm Văn Chung
Các cán bộ Bộ môn Trắc địa mỏ và các cán bộ giảng dạy trong khoa Trắc địa (có danh sách kèm theo)
4. Nội dung cuộc họp: Rà soát chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần

* TS. Vương Trọng Kha báo cáo tóm tắt về chương trình đào tạo cao học và các học phần thuộc chuyên sâu Trắc địa mỏ và quan trắc môi trường với mã số: 60520503 và yêu cầu cần rà soát chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần để đáp ứng với hội nhập và sự phát triển của khoa học công nghệ cũng như yêu cầu mới của ngành.

* Các thành viên tham gia góp ý và thống nhất những nội dung sau:

4.1. Nội dung rà soát chương trình đào tạo:

- Về chương trình đào tạo chuyên ngành: Đáp ứng yêu cầu thực tế ngành
- Về kế hoạch đào tạo: Phù hợp với khối lượng kiến thức đào tạo

4.2. Nội dung rà soát đề cương chi tiết học phần:

- Tên các học phần: Tương đối phù hợp nội dung và mục đích của học phần
- Số tín chỉ mỗi học phần: Đáp ứng được khối lượng kiến thức cần cung cấp của học phần
- Giáo viên tham gia giảng dạy của học phần: Phù hợp với trình độ chuyên môn
- Phân bố thời lượng của học phần: Cân đối giữa các mảng kiến thức trong từng học phần
- Phân bố cơ cấu học phần: Đáp ứng được tính logic của học phần và đáp ứng được đòi hỏi về kiến thức chủ đạo của học phần

5. Kết luận

Chương trình đào tạo cao học theo hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ và quan trắc môi trường với mã số: 60520503 bảo đảm tính khoa học, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra ngành đào tạo theo quy định của trường Đại học Mỏ - Địa chất và tương đồng với chương trình đào tạo Thạc sĩ của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Do đó, không cần chỉnh sửa chương trình và đề cương chi tiết.

Cuộc họp kết thúc lúc ……h……phút ngày ……..tháng …….năm 2015

CHỦ TRÌ	THƯ KÝ
TS. Vương Trọng Kha	KS. Phạm Văn Chung

KHOA TRẮC ĐỊA-BĐ & QLĐĐ
BỘ MÔN ĐỊA CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa

Thời gian: h ngày tháng năm 2015

Thành phần: Toàn thể các thành viên của Bộ môn và bộ môn khác tham gia đào tạo thạc sĩ

Chủ tọa: TS Trần Thùy Dương, Trưởng Bộ môn

Thư ký: TS Nguyễn Thế Công

NỘI DUNG CUỘC HỌP:

1.TS Trần Thùy Dương, TrưởngBộ môn Địa chính báo cáo tóm tắt nội dung chương trình đào tạo và đề cương các học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa.

2.Ý kiến của các thành viên tham gia họp:

- TS. Đinh Công Hòa: Tất cả các đề cương cần phải viết chi tiết hơn, có phần hướng dẫn tự học.

- TS Nguyễn Thế Công: Nhất trí phải chỉnh sửa lại các đề cương, đặc biệt là mục tiêu của học phần cần nói rõ các kiến thức, kỹ năng mà sinh viên cần đạt được.

- TS Trần Thùy Dương: Đồng ý với các ý kiến trên, đề cương cần phải viết thật chi tiết và chắc chắn sẽ công bố cho sinh viên để sinh viên kết hợp học trên lớp với tự học ở nhà.

- Các ý kiến khác: Nhìn chung đều đồng ý chỉnh sửa lại đề cương cho phù hợp.

3.PGS.TS Nguyễn Hoàng Sơn tổng kết các ý kiến:

Bộ môn sẽ xem xét những bất hợp lý trong từng đề cương. Đề nghị các thầy cô chỉnh sửa lại đề cương theo đúng thông tư hướng dẫn.

Phiên họp kết thúc vào hồi cùng ngày.

Thư ký	**Chủ tọa**
TS. Nguyễn Thế Công	**TS. Trần thùy Dương**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA- BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
Bộ môn Trắc địa cao cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày……tháng ……năm

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

V/v: Triển khai rà soát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Thời gian: ngày…….tháng…….năm

2. Địa điểm: Tại VP Bộ môn Trắc địa cao cấp

3. Thành phần cuộc họp:

- Ông (Bà): TS. Nguyễn Văn Sáng – Chủ trì
- Ông (Bà): ThS. Trần Thị Thu Trang – Thư ký
- Thành phần: Các thầy cô trong bộ môn Trắc địa cao cấp

4. Nội dung cuộc họp:

- TS. Nguyễn Văn Sáng nêu lý do của cuộc họp: Đề cương chi tiết các môn học đã chỉnh sửa năm 2013, nhưng hiện nay chương trình đào tạo cần có những thay đổi cho phù hợp. Do vậy cần phải tiến hành rà soát lại đề cương các môn học.

Bộ môn Trắc địa cao cấp phân công các cán bộ phụ trách việc rà soát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các môn học như sau:

- Môn: Định vị không gian do TS Nguyễn Văn Sáng và TS Vũ Văn Trí phụ trách

- Môn: Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động do PGS.TS Đặng Nam Chinh phụ trách

- Môn: Hệ quy chiếu trắc địa do PGS.TS Đặng Nam Chinh và TS Lê Minh Tá phụ trách

- Môn Nghiên cứu đại dương bằng các phương pháp trắc địa do PGS TS Dương Vân Phong phụ trách

- Môn: Địa thống kê do PGS TS Đặng Nam Chinh phụ trách

- Môn: Cơ sở thiên văn đo lường do TS Vũ Văn Trí phụ trách

- Môn: Ứng dụng GPS trong thành lập và sử dụng bản đồ do PGS TS Đặng Nam Chinh phụ trách.

- Môn: Đo cao vệ tinh do TS Nguyễn Văn Sáng phụ trách

- Môn: Đo trọng lực vệ tinh do TS Nguyễn Văn Sáng phụ trách

5. Kết luận:

Đề nghị các thầy cô phụ trách chỉnh sửa đề cương chi tiết các môn học hoàn thành đúng thời gian để bộ môn tiến hành họp rà soát theo đúng kế hoạch.

Cuộc họp kết thúc lúc ……h……phút ngày ……..tháng …….năm

CHỦ TRÌ	THƯ KÝ
TS. Nguyễn Văn Sáng	ThS. Trần Thị Thu Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA- BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
Bộ môn Trắc địa cao cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày……tháng ……năm …..

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

V/v: Rà soát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Thời gian: ngày…….tháng…….năm ……

2. Địa điểm: Tại VP Bộ môn Trắc địa cao cấp

3. Thành phần cuộc họp:

- Ông (Bà): TS. Nguyễn Văn Sáng – Chủ trì
- Ông (Bà): ThS. Trần Thị Thu Trang – Thư ký
- Thành phần: Các thầy cô trong bộ môn Trắc địa cao cấp

4. Nội dung cuộc họp:

* TS. Nguyễn Văn Sáng – Chủ trì nêu lý do cuộc họp: Sau khi rà soát chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các môn học ở buổi họp trước. Hôm nay các thầy cô phụ trách các môn học báo cáo lại nội dung đề cương chi tiết đã chỉnh sửa theo góp ý.

*Các thầy cô phụ trách các môn học báo cáo nội dung các môn học:

- Môn: Định vị không gian do TS Nguyễn Văn Sáng và TS Vũ Văn Trí báo cáo
- Môn: Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động do PGS.TS Đặng Nam Chinh báo cáo
- Môn: Hệ quy chiếu trắc địa do PGS.TS Đặng Nam Chinh và TS Lê Minh Tá báo cáo
- Môn Nghiên cứu đại dương bằng các phương pháp trắc địa do PGS TS Dương Vân Phong báo cáo
- Môn: Địa thống kê do PGS TS Đặng Nam Chinh báo cáo
- Môn: Cơ sở thiên văn đo lường do TS Vũ Văn Trí báo cáo

- Môn: Ứng dụng GPS trong thành lập và sử dụng bản đồ do PGS TS Đặng Nam Chinh báo cáo.

- Môn: Đo cao vệ tinh do TS Nguyễn Văn Sáng báo cáo

- Môn: Đo trọng lực vệ tinh do TS Nguyễn Văn Sáng báo cáo

Các thầy cô dự họp thống nhất với các đề cương đã chỉnh sửa và không có góp ý gì thêm.

5. Kết luận:

Như vậy, đề cương chi tiết các môn học đã được chỉnh sửa theo góp ý và không có chỉnh sửa gì thêm.

Cuộc họp kết thúc lúc ……h……phút ngày ……..tháng …….năm…..

CHỦ TRÌ	THƯ KÝ
TS. Nguyễn Văn Sáng	ThS. Trần Thị Thu Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA-BẢN ĐỒ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm 2016

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC ĐÀO TẠO
Bộ môn: Trắc địa phổ thông và sai số
V/v: Rà soát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Thời gian: ngày tháng năm 2016
2. Địa điểm: Tại VP Bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số
3. Thành phần cuộc họp:
- Ông (Bà) Đinh Công Hòa – Chủ trì
- Ông (Bà) Hoàng Thị Thủy – Thư ký

Và các thành viên trong Bộ môn
4. Nội dung cuộc họp:
- TS. Đinh Công Hòa – Chủ trì giới thiệu nội dung, mục đích cuộc họp về rà soát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần của ngành Trắc địa – Bản đồ, chuyên ngành kỹ thuật trắc địa hướng chuyên sâu hệ Thạc sĩ do bộ môn quản lý.
- PGS.TS Nguyễn Quang Minh đọc quy chế đào tạo, cơ cấu sắp xếp của chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, tóm tắt nội dung của các học phần, chuẩn đầu ra của chuyên ngành Bộ môn phụ trách.
- Các thành viên hội đồng khoa học trao đổi, xem xét chỉnh sửa kỹ lưỡng toàn bộ CTĐT, đề cương chi tiết các học phần, tóm tắt nội dung các HP, kế hoạch đào tạo, chuẩn đầu ra. Cách xây dựng đề cương chi tiết học phần kỹ lưỡng hơn, phù hợp với cách học tín chỉ cho sinh viên, đảm bảo tính hiện đại cập nhật những thành tựu khoa học mới ở trên thế giới cũng như ở trong nước.
- Các thành viên Hội đồng khoa học của Bộ môn biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%
- Chủ trì cuộc họp kết luận về CTĐT, đề cương chi tiết các học phần.
5. Kết luận:
Các nhà khoa học nhất trí thông qua chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, lập biên bản đề nghị Hội đồng khoa học cấp Khoa và Nhà trường thông qua.
Cuộc họp kết thúc lúc 11h 15 phút ngày tháng năm 2016

CHỦ TRÌ	**THƯ KÝ**
TS. Đinh Công Hòa	**Hoàng Thị Thủy**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 382 /QĐ-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
V/v: Thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Trắc địa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

- Căn cứ Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30-7-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ Trường Đại học";
- Căn cứ Thông tư số 18/2004/TT-BGD&ĐT ngày 21-6-2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg;
- Căn cứ tờ trình của ông Trưởng khoa Trắc địa ngày 23/3/2010;
- Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Trắc địa gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Trắc địa có nhiệm vụ tư vấn cho Trưởng khoa những vấn đề lớn có liên quan đến công tác đào tạo, NCKH và những hoạt động khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của khoa Trắc địa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà)Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu TCCB, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS. Trần Đình Kiên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
KHOA TRẮC ĐỊA

(Kèm theo Quyết định số: 382 /QĐ-MĐC ngày 12 tháng 5 năm 2010)

1. TS Trần Thùy Dương, Trưởng khoa - Chủ tịch Hội đồng;
2. TS Phạm Công Khải, Phó Trưởng khoa - Phó Chủ tịch HĐ;
3. TS Trần Vân Anh, Phó Trưởng khoa - Ủy viên thư ký;
4. ThS Nguyễn Thế Việt, Trưởng bộ môn Bản đồ - Uỷ viên;
5. PGS.TS Trần Đình Trí, Phó Trưởng bộ môn Đo ảnh và Viễn thám - Ủy viên;
6. PGS.TS Phạm Vọng Thành, Trưởng bộ môn Trắc địa Cao cấp - Ủy viên;
7. TS Dương Vân Phong, Trưởng bộ môn Trắc địa Cao cấp - Ủy viên;
8. PGS.TS Đặng Nam Chinh, giảng viên bộ môn Trắc địa Cao cấp - Ủy viên;
9. TS Vương Trọng Kha, Phó Trưởng bộ môn Trắc địa Mỏ - Ủy viên;
10. GS.TS Võ Chí Mỹ, Trưởng bộ môn Trắc địa Mỏ - Ủy viên;
11. GS.TSKH Hoàng Ngọc Hà, Trưởng bộ môn Trắc Địa Phổ thông và SS - Ủy viên;
12. TS Đinh Công Hòa, Phó Trưởng bộ môn Trắc Địa Phổ thông và SS - Ủy viên;
13. TS Vũ Văn Trí, Phó Trưởng bộ môn Trắc Địa Cao cấp - Ủy viên;
14. PGS.TS Trần Khánh, Trưởng bộ môn Trắc địa Công trình - Ủy viên;
15. TS Nguyễn Quang Phúc, Phó Trưởng bộ môn Trắc địa Công trình - Ủy viên.

Danh sách này có 15 người./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA TRẮC ĐỊA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2015

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO KHOA TRẮC ĐỊA
Về việc: Rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo hệ Thạc sỹ

Hôm nay, vào hồi 8h00, ngày 10 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Trắc địa đã tiến hành xét duyệt rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo hệ thạc sĩ ngành kĩ thuật Trắc địa – Bản đồ và ngành Bản đồ, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý tại Văn phòng Trưởng khoa Trắc địa, tầng 10 nhà C12 tầng.

Thành viên Hội đồng Khoa học và đào tạo:

- Tổng số thành viên: 19 người
- Số thành viên có mặt: 19 người
- Số thành viên vắng mặt: 0 người
- Chủ trì cuộc họp: TS Trần Thùy Dương – Chủ tịch Hội đồng Khoa học và đào tạo khoa.
- Thư ký cuộc họp: TS Trần Vân Anh – Ủy viên Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa

NỘI DUNG HỌP

TS. Trần Thùy Dương chủ tịch Hội đồng Khoa học và đào tạo khoa chủ trì cuộc họp về việc xét duyệt đề xuất rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo hệ thạc sĩ ngành kĩ thuật Trắc địa – Bản đồ. Dựa trên cơ sở các tài liệu văn bản, đề cương học phần chi tiết đã gửi cho từng thành viên hội đồng khoa học và đào tạo khoa 3 hôm trước đây, các thành viên hội đồng rà soát các chương trình học như sau:

I. Hệ thạc sĩ kĩ thuật Trắc địa bản đồ

Trên cơ sở biên bản rà soát chương trình đào tạo đề cương chi tiết học phần, TS Trần Thùy Dương đã tóm tắt về chương trình đào tạo thạc sĩ và yêu cầu cần rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo để đáp ứng với hội nhập và sự phát triển của khoa học công nghệ cũng như yêu cầu mới của ngành.

1. PGS.TS Đặng Nam Chinh trình bày môn các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động: Nội dung cơ bản không có gì chỉnh sửa
2. GS.TSKH Phạm Hoàng Lân trình bày môn trắc địa vật lý
3. PGS.TS Đặng nam Chinh trình bày môn Hệ quy chiếu trắc địa

4. PGS.TS Đặng Nam Chinh trình bày môn nghiên cứu đại dương bằng các phương pháp trắc địa

5. TS. Dương Vân Phong trình bày môn Kiểm định các thiết bị trắc địa

6. GS.TSKH Phạm Hoàng Lân trình bày môn cơ sở thiên văn đo lường

7. PGS.TS Đặng Nam Chinh trình bày môn Ứng dụng GPS trong thành lập và sử dụng bản đồ.

**** Các ý kiến đóng góp:***

- Về mục tiêu của học phần: Phù hợp;

- Về thời lượng, nội dung kiến thức của học phần: thời lượng hợp lý, nội dung được cập nhật hiện đại.

- Tài liệu tham khảo: từ cán bộ giảng dạy và hướng dẫn của bộ môn và thư viện của Nhà trường hỗ trợ tốt cho quá trình học tập và nghiên cứu của học viên cao học.

Hội đồng khoa học Khoa Trắc địa đã họp bàn, đồng thời dựa trên biên bản Hội thảo chương trình đào tạo cho hệ đào tạo thạc sĩ thống nhất thông qua chương trình đào tạo.

II. Ngành Bản đồ, Viễn thám và Hệ thông tin Địa lý

TS. Bùi Ngọc Quý báo cáo tóm tắt về chương trình đào tạo và các học phần thuộc hệ đào tạo thạc sỹ và yêu cầu cần rà soát chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần để đáp ứng với hội nhập và sự phát triển của khoa học công nghệ cũng như yêu cầu mới của ngành.

Nhóm chỉnh sửa chương trình đào tạo của bộ môn Bản đồ và Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Bản đồ, Viễn thám và Hệ thông tin Địa lý trình độ Thạc sĩ, các nội dung đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Về mục tiêu của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Theo quy chế		Quy chế đào tạo Thạc sĩ	

2. Về nội dung của chương trình

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Về cấu trúc của CTĐT Thạc sĩ: - Chỉnh sửa chuyển học phần bắt buộc "Phương pháp nghiên cứu bằng	Rút bớt HP bắt buộc, cân đối cấu trúc của CTĐT, tăng thêm HP tự chọn cho hướng Bản đồ GIS.	Quy chế đào tạo Thạc sĩ.	TT 07/2015/TT-BGD&ĐT

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
	bản đồ" sang nhóm HP tự chọn của hướng chuyên sâu Bản đồ GIS.			
2	- Đổi tên HP bắt buộc "Đo ảnh giải tích và ảnh số" thành "Công nghệ mới trong đo ảnh"	Phù hợp với xu thế của đo ảnh hiện đại.	Căn cứ theo sự phát triển của các lĩnh vực KH. Căn cứ theo yêu cầu của các lĩnh vực ứng dụng thực tế.	TT07/2015/TT-BGD&ĐT
3	- Bổ sung thêm mới 3 tín chỉ HP tự chọn "GIS ứng dụng"	- Bổ sung thêm HP với mục đích tăng sự lựa chọn cho học viên ở hướng chuyên sâu Bản đồ GIS vì HP này ở chương trình đại học của chuyên ngành Bản đồ chưa được giới thiệu.	Căn cứ theo sự phát triển của các lĩnh vực KH. Căn cứ theo yêu cầu của các lĩnh vực ứng dụng thực tế.	TT 07/2015/TT-BGD&ĐT
4	Đổi tên và bổ sung nội dung HP tự chọn "Viễn thám siêu cao tần" thành "Viễn thám Radar và ứng dụng"	Nhu cầu nâng cao kiến thức mới và ứng dụng của công nghệ viễn thám radar trong thực tiễn	Căn cứ theo sự phát triển của các lĩnh vực KH. Căn cứ theo yêu cầu của các lĩnh vực ứng dụng thực tế.	TT 07/2015/TT-BGD&ĐT

3. Về đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dungchỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Công nghệ mới trong đo ảnh	Bổ sung thêm các nội dung mới về công nghệ đo ảnh	Như lý do bổ sung ở trên	Theo đề cương chi tiết	BM Đo ảnh và Viễn thám phụ trách

2	Công nghệ mới trong đo ảnh	Xây dựng trên cơ sở HP trước, bổ sung thêm các công nghệ mới trong đo ảnh	Như lý do bổ sung ở trên	Theo đề cương chi tiết	BM Đo ảnh và Viễn thám phụ trách
3	GIS ứng dụng	Xây dựng mới	Như lý do bổ sung ở trên	Theo đề cương chi tiết	BM Bản đồ phụ trách
4	Viễn thám Radar và ứng dụng	Xây dựng trên cơ sở HP trước, bổ sung thêm các ứng dụng cùa Viễn thám radar	Như lý do bổ sung ở trên	Theo đề cương chi tiết	BM Đo ảnh và Viễn thám phụ trách
5	Công nghệ mới trong thiết kế và thành lập bản đồ	Cập nhật chi tiết hơn về nội dung công nghệ GIS3D, công nghệ bản đồ trực tuyếntheo hướng tiếp cận công nghệ mới trên thế giới.	Vì các kiến thức về công nghệ và triển khai nó trong thực tiễn luôn phát triển cần phải cập nhật.	Theo đề cương chi tiết	BM Bản đồ phụ trách

Ý kiến đóng góp của hội đồng khoa học và đào tạo khoa:

- PGS. TS Đặng Nam Chinh: ủng hộ đưa các môn học mới chưa từng được giới thiệu ở các chương trình khác vào, bỏ bớt học phần bắt buộc, tăng hướng tự chọn cho học viên cao học.

- PGS.TS Trần Khánh: chỉnh sửa lại cho đúng khuôn dạng nhà trường yêu cầu.

III. Kết luận:

Đề nghị các thầy cô điều chỉnh theo góp ý và hoàn thiện để nộp khoa.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h30, ngày 10 tháng 12 năm 2015.

Thư ký

TS. Trần Vân Anh

Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo
Khoa Trắc địa

Ts. Trần Thùy Dương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 824/QĐ - MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

- Căn cứ "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ Tướng Chính Phủ;
- Căn cứ vào điều 15 chương II quy định về Hệ thống tổ chức và quản lý trong trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành theo QĐ số 296/QĐ.MĐC.TCCB ngày 25/8/2001 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất.
- Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;
- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm các thành viên trong danh sách kèm theo. Nhiệm kỳ của Hội đồng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

Điều 2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng những vấn đề lớn về công tác đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế của trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các ông Trưởng phòng TCCB, Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng phòng Khoa học Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

SAO Y BẢN CHÍNH
Số: ... Ngày ngày.....tháng.....năm 20.....
TL.HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu TCCB.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH

Ths. Dương Thị Tuyết Nhung

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS. Trần Đình Kiên

DANH SÁCH THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT NHIỆM KỲ 2010 - 2015

(Kèm theo QĐ số: 211 /QĐ - MĐC ngày 04 tháng 5 năm 2011)

1. Hiệu trưởng	- Chủ tịch Hội đồng
2. Các Phó Hiệu trưởng	- Uỷ viên thường trực (1Phó HT Phó chủ tịch HĐ)
3. Trưởng phòng Đào tạo Đại học	-Uỷ viên thường trực kiêm thư ký
4. Trưởng phòng Khoa học công nghệ	-Uỷ viên thường trực kiêm thư ký
5. Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học	- Uỷ viên thường trực
6. Trưởng khoa Tại chức	- Uỷ viên thường trực
7. Trưởng khoa Mỏ	- Uỷ viên thường trực
8. Trưởng khoa Cơ - Điện	- Uỷ viên thường trực
9. Trưởng khoa Địa chất	- Uỷ viên thường trực
10. Trưởng khoa Dầu khí	- Uỷ viên thường trực
11. Trưởng khoa Trắc địa	- Uỷ viên thường trực
12. Trưởng khoa Đại học Đại cương	- Uỷ viên thường trực
13. Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	- Uỷ viên thường trực
14. Trưởng khoa Công nghệ Thông tin	- Uỷ viên thường trực
15. Trưởng khoa Lý luận Chính trị	- Uỷ viên thường trực
16. Trưởng khoa Xây dựng	- Uỷ viên thường trực
17. Trưởng khoa Môi trường	- Uỷ viên thường trực
18. Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp	- Uỷ viên
19. Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ	- Uỷ viên
20. Trưởng phòng Hợp tác Quốc tế	- Uỷ viên
21. Trưởng phòng Quản trị Thiết bị	- Uỷ viên
22. Trưởng phòng Tài vụ	- Uỷ viên
23. Trưởng phòng CTCT-SV	- Uỷ viên
24. Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện	- Uỷ viên
25. Trưởng các bộ môn	- Uỷ viên
26. Các Giáo sư đương chức	- Uỷ viên
27. Trưởng khoa Giáo dục Quốc phòng	- Uỷ viên
28. Thành viên cơ quan ngoài trường	- Uỷ viên

- Ngành Mỏ
- Ngành Địa chất
- Ngành Dầu khí
- Ngành Trắc địa
- Ngành Xây dựng
- Ngành Môi trường
- Ngành Cơ-Điện
- Ngành Kinh tế - Quản trị Kinh doanh
- Ngành Công nghệ thông tin

(Mời cụ thể theo từng phiên họp)

Ghi chú: **Nếu có thay đổi về nhân sự thì thay thế theo thành phần tương đương**

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT NHIỆM KỲ 2010 - 2015

(Kèm theo QĐ số: 211 /QĐ - MĐC ngày 04 tháng 5 năm 2011)

1. PGS. TS. Trần Đình Kiên – Hiệu trưởng, Trưởng bộ môn Khoan khai thác - Chủ tịch Hội đồng;
2. PGS. TS. Lê Hải An, Phó hiệu trưởng, - Phó chủ tịch Hội đồng;
3. PGS. TS. Nguyễn Quang Luật, Trưởng phòng KHCN, Trưởng bộ môn Khoáng sản -Uỷ viên thường trực kiêm thư ký;
4. PGS. TS. Lê Trọng Thắng, Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng bộ môn Địa chất công trình - Uỷ viên thường trực kiêm thư ký;
5. PGS. TS. Nguyễn Quang Thắng, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học - Uỷ viên thường trực;
6. PGS. TS. Bùi Xuân Nam, Trưởng phòng CTCT-SV, Trưởng khoa Mỏ - Uỷ viên thường trực;
7. PGS. TS. Nguyễn Trường Xuân, Trưởng khoa CNTT, Trưởng bộ môn Tin học Trắc địa - Uỷ viên thường trực;
8. TS. Nguyễn Chí Tình, Trưởng khoa Cơ - Điện, Trưởng bộ môn Tự động hóa xí nghiệp - Uỷ viên thường trực;
9. PGS. TS. Nguyễn Văn Lâm, Trưởng khoa Địa chất, Trưởng bộ môn Địa chất thủy văn - Uỷ viên thường trực;
10. TS. Trần Thùy Dương, Trưởng khoa Trắc địa, Trưởng bộ môn Địa chính - Uỷ viên thường trực;
11. TS. Trần Đình Sơn, Trưởng khoa Đại học đại cương, Trưởng bộ môn Cơ lý thuyết - Uỷ viên thường trực;
12. TS. Trần Hồng Hải, Trưởng khoa Tại chức, Trưởng bộ môn Hình Họa - Uỷ viên thường trực;
13. TS. Nguyễn Duy Lạc, Trưởng khoa Kinh tế – Quản trị kinh doanh, Trưởng bộ môn Kế toán doanh nghiệp - Uỷ viên thường trực;
14. PGS. TS. Nguyễn Bình Yên, Trưởng khoa Lý luận Chính trị, Trưởng bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin - Uỷ viên thường trực;
15. GS. TS. Võ Trọng Hùng, Trưởng khoa Xây dựng, Trưởng bộ môn Xây dựng công trình ngầm và Mỏ - Uỷ viên thường trực;

16. PGS. TS. Nguyễn Phương, Trưởng khoa Môi trường, Trưởng bộ môn Môi trường cơ sở - Uỷ viên thường trực;

17. TS. Nguyễn Thế Vinh, Trưởng khoa Dầu khí - Uỷ viên thường trực;

18. TS. Lê Văn Quyền, Trưởng phòng TCCB, Trưởng bộ môn Khai thác Lộ thiên - Uỷ viên;

19. TS. Trần Xuân Trường, Trưởng phòng HCTH - Uỷ viên;

20. TS. Nguyễn Quang Minh, Trưởng phòng Hợp tác Quốc tế - Uỷ viên;

21. TS. Phạm Đức Thiên, Trưởng phòng Quản trị thiết bị, Trưởng bộ môn Kỹ thuật cơ khí - Uỷ viên;

22. ThS. Đinh Thị Xuân, Trưởng phòng Tài vụ - Uỷ viên;

23. PGS. TS Trần Thanh Hải, Giám đốc Trung tâm Thông tin – Thư viện, Trưởng bộ môn Địa chất - Uỷ viên;

24. Đại tá Nguyễn Văn Quảng, Trưởng khoa Giáo dục Quốc phòng - Uỷ viên;

25. TS. Nguyễn Văn Ngọc, Trưởng bộ môn Toán - Uỷ viên;

26. TS. Lê Đức Liêm, Trưởng bộ môn Hóa - Uỷ viên;

27. PGS. TS Dư Thị Xuân Thảo, Trưởng bộ môn Vật lý - Uỷ viên;

28. TS. Đỗ Kim Phương, Trưởng bộ môn Ngoại ngữ - Uỷ viên;

29. ThS. Nguyễn Khắc Anh Vũ, Trưởng bộ môn Giáo dục thể chất - Uỷ viên;

30. TS Dương Đức Hùng, Trưởng Bộ môn Sức bền Vật liệu - Uỷ viên;

31. TS Nguyễn Hanh Tiến, Trưởng bộ môn Điện khí hóa Xí nghiệp - Uỷ viên;

32. PGS. TS Đặng Vũ Chí, Trưởng bộ môn Khai thác Hầm lò - Uỷ viên;

33. TS. Nguyễn Hoàng Sơn, Trưởng bộ môn Tuyển khoáng - Uỷ viên;

34. PGS. TS Kim Ngọc Linh, Trưởng bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử - Uỷ viên;

35. PGS. TS Vũ Nam Ngạn, Trưởng bộ môn Máy và Thiết bị Mỏ - Uỷ viên;

36. PGS. TS Nguyễn Khắc Giảng, Trưởng bộ môn Khoáng thạch - Uỷ viên;

37. PGS. TS Nguyễn Văn Lâm, Trưởng bộ môn Nguyên liệu khoáng - Uỷ viên;

38. TS. Nguyễn Tiến Dũng, Trưởng bộ môn Tìm kiếm thăm dò - Uỷ viên;

39. TS. Hoàng Văn Long, Trưởng bộ môn Địa chất biển - Uỷ viên;

40. TS. Đỗ Văn Bình, Trưởng bộ môn Địa sinh thái và công nghệ Môi trường - Uỷ viên;

41. TS. Phan Quang Văn, Trưởng bộ môn Kỹ thuật môi trường Mỏ - Uỷ viên;

42. PGS. TS Tạ Đức Thịnh, Trưởng bộ môn Xây dựng hạ tầng cơ sở - Uỷ viên;

43. PGS. TS Nguyễn Xuân Mãn, Trưởng bộ môn Kỹ thuật xây dựng - Uỷ viên;

44. ThS. Nguyễn Thế Việt, Trưởng bộ môn Bản đồ - Uỷ viên;

45. TS. Vương Trọng Kha, Trưởng bộ môn Trắc địa Mỏ - Uỷ viên

46. GS. TSKH. Hoàng Ngọc Hà, Trưởng bộ môn Trắc địa phổ thông và sai số - Uỷ viên;

47. PGS. TS. Trần Khánh, Trưởng bộ môn Trắc địa công trình - Uỷ viên;

48. TS. Dương Văn Phong, Trưởng bộ môn Trắc địa cao cấp - Uỷ viên;

49. PGS. TS. Trần Đình Trí, Trưởng bộ môn Đo ảnh và Viễn thám - Uỷ viên;

50. TS. Nguyễn Anh Dũng, Trưởng bộ môn Lọc - Hóa dầu - Uỷ viên;

51. TS. Nguyễn Văn Giáp, Trưởng bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình - Uỷ viên;

52. TS. Phan Thiên Hương, Trưởng bộ môn Địa vật lý - Uỷ viên;

53. TS. Lê Văn Bình, Trưởng bộ môn Địa chất dầu - Uỷ viên;

54. TS. Đặng Huy Thái, Trưởng bộ môn Quản trị doanh nghiệp Mỏ - Uỷ viên;

55. TS. Phan Thị Thái, Trưởng bộ môn QTDN Địa chất – Dầu khí - Uỷ viên;

56. TS. Nguyễn Văn Bưởi, Trưởng bộ môn Kinh tế cơ sở - Uỷ viên;

57. TS. Nguyễn Văn Sơn, Trưởng bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Uỷ viên;

58. ThS. Lê Quốc Hiệp, Trưởng bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng CSVN - Uỷ viên;

59. ThS. Đặng Hữu Nghị, Trưởng bộ môn Tin học cơ bản - Uỷ viên;

60. PGS. TS. Trương Xuân Luận, Trưởng bộ môn Tin học Địa chất - Uỷ viên;

61. ThS. Cảnh Chí Thanh, Trưởng bộ môn Tin học Mỏ - Uỷ viên;

62. TS. Lê Thanh Huệ, Trưởng bộ môn Tin học Kinh tế - Uỷ viên;

63. ThS. Đỗ Như Hải, Trưởng bộ môn Mạng máy tính - Uỷ viên;

64. TS. Lê Văn Hưng, Trưởng bộ môn Công nghệ phần mềm - Uỷ viên;

65. GS. TS. Nguyễn Quang Phích, bộ môn Kỹ thuật Xây dựng - Uỷ viên;

(Tổng số 65 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1673 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiện toàn Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Điều 17 chương II Quy định về Hệ thống tổ chức và Quản lý trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành theo Quyết định số 936/QĐ-MĐC ngày 22/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng những vấn đề lớn về công tác đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

SAO Y BẢN CHÍNH
Số: ...MĐC ngày ... tháng ... năm 20...
TL.HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, TCCB.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH
Ths. Dương Thị Tuyết Nhung

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS. Lê Hải An

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Kèm theo Quyết định số: 1673 /QĐ-MĐC ngày 15 tháng 12 năm 2015)

1. PGS. TS. Lê Hải An, Hiệu trưởng	- Chủ tịch Hội đồng;
2. PGS. TS. Trần Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng	- Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. PGS. TS. Bùi Xuân Nam, Phó Hiệu trưởng	- UV thường trực;
4. Trưởng phòng Khoa học - Công nghệ	- Ủy viên thư ký;
5. Trưởng phòng Đào tạo Đại học	- Ủy viên thư ký;
6. Trưởng khoa Địa chất	- UV thường trực;
7. Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	- UV thường trực;
8. Trưởng khoa Cơ - Điện	- UV thường trực;
9. Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	- UV thường trực;
10. Trưởng khoa Lý luận chính trị	- UV thường trực;
11. Trưởng khoa Xây dựng	- UV thường trực;
12. Trưởng khoa Môi trường	- UV thường trực;
13. Trưởng khoa Mỏ	- UV thường trực;
14. Trưởng khoa Dầu khí	- UV thường trực;
15. Trưởng khoa Khoa học cơ bản	- UV thường trực;
16. Trưởng khoa Công nghệ thông tin	- UV thường trực;
17. Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học	- UV thường trực;
18. Trưởng khoa Tại chức	- UV thường trực;
19. Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng	- Ủy viên;
20. Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ	- Ủy viên;
21. Trưởng phòng Hợp tác Quốc tế	- Ủy viên;
22. Trưởng phòng Công tác chính trị - Sinh viên	- Ủy viên;
23. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	- Ủy viên;
24. Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	- Ủy viên;
.25. Đại diện nhà khoa học	- Ủy viên./.

(Tổng số 25 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2015

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC - ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã họp vào 14h ngày 20 tháng 12 năm 2015,

Chủ trì phiên họp: PGS.TS Lê Hải An, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng.

Trong phiên họp, Hội đồng đã xem xét toàn bộ chương trình đào tạo của 15 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ do Hội đồng Khoa học - Đào tạo các khoa đề xuất. Trình tự phiên họp như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng Khoa học - Đào tạo các khoa có đào tạo trình độ thạc sĩ trình bày tóm tắt quá trình rà soát, điều chỉnh và xây dựng nội dung chương trình đào tạo, biên bản thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành do các khoa chủ trì.

2. Các thành viên của Hội đồng Khoa học - Đào tạo trường đã thảo luận về nội dung chương trình đào tạo trên các khía cạnh: Căn cứ để xây dựng chương trình, mục tiêu, xu hướng, khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học phải tích lũy, yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ.

3. Từ kết quả thảo luận, Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất thống nhất những ý kiến sau đây:

3.1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của 15 ngành đào tạo gồm: Kỹ thuật địa chất, Địa chất học, Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý, Khai thác mỏ, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Quản lý kinh tế, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật tuyển khoáng do các bộ môn và các khoa xây dựng đã đáp ứng các yêu cầu quy định trong Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

a) Quy trình, tổ chức xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo đáp ứng những quy định trong Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ như khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo; xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra; đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành, chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước

và nước ngoài; thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định và tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học trong và ngoài cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo.

b) Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với trình độ thạc sĩ thuộc các ngành kỹ thuật công nghệ là 45 tiến chỉ và ngành Quản lý kinh tế là 60 tiến chỉ. Việc đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành nêu trên đáp ứng nhu cầu cấp thiết của các sinh viên, học viên đã tốt nghiệp các chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp và các chuyên ngành gần khác; tạo điều kiện cho những ngành, chuyên ngành này phát triển.

c) Chương trình, kế hoạch đào tạo và đề cương chi tiết các học phần của các chương trình đào tạo đều được xây dựng chi tiết, công phu, đáp ứng các quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phù hợp với nền kiến thức đại học của thí sinh, cập nhật được những nhu cầu của thực tế sản xuất, sự phát triển khoa học kỹ thuật của ngành và chuyên ngành.

3.2. Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhất trí thông qua bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và đề cương chi tiết học phần cho các ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ của nhà trường.

Biên bản đã được đọc, được các thành viên của Hội đồng thống nhất về nội dung.

Người ghi biên bản

PGS.TS Lương Quang Khang

TM. HỘI ĐỒNG KHOA HỌC - ĐÀO TẠO TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1803/QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo cao học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tao;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ngày 20 tháng 12 năm 2015;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo cao học và đề cương chi tiết học phần cho các ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, áp dụng từ khóa cao học K32 (tuyển sinh đợt 1 năm 2016) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các khoa, bộ môn và đơn vị liên quan thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website;
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

66A

2016

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

I. Những vấn đề chung

1. Tên ngành đào tạo: Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
   Tên tiếng Anh: SURVEYING AND MAPPING ENGINEERING
2. Mã số: 60520503
3. Khoa chủ quản: Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai

II. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật trắc địa - bản đồ có trình độ nâng cao về trắc địa cao cấp, trắc địa công trình, đo đạc địa chính, đo đạc địa hình, trắc địa mỏ và quan trắc môi trường. Thạc sĩ Kỹ thuật trắc địa - bản đồ được trang bị kiến thức chuyên sâu và kỹ năng tay nghề tốt, có khả năng giải quyết những vấn đề của thực tiễn sản xuất và các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực có liên quan.

Thạc sĩ Kỹ thuật trắc địa - bản đồ có thể làm nghiên cứu sinh, viết và bảo vệ luận án để nhận bằng tiến sĩ.

III. Chương trình đào tạo

1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo:
   Khối lượng kiến thức: 45 TC
   Thời gian đào tạo: 1,5 năm
2. Cấu trúc chương trình đào tạo
2.1. Nhóm các học phần bắt buộc: 18 TC

Bao gồm:

2.1.1. Các học phần chung: Triết học 3 TC
2.1.2. Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu: 15 TC
2.2. Nhóm học phần tự chọn: 14 TC
2.3. Luận văn thạc sĩ: 13 TC

IV. Khối lượng kiến thức

TT	Mã số	Tên nhóm kiến thức và học phần	K.lượng (TC)	Cán bộ giảng dạy
I	**Nhóm các học phần bắt buộc**		**18**	
I.1	**Các học phần học chung**		**3**	
1	7020101	Triết học	3	BM Nguyên lý CN Mác-LN
I.2	**Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu**		**15**	
2	7050201	Định vị không gian	3	TS Nguyễn Văn Sáng
3	7050401	Tính toán bình sai trắc địa	3	GS.TSKH Hoàng Ngọc Hà TS Đinh Công Hoà
4	7050101	Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình	3	PGS.TS Trần Khánh TS Nguyễn Việt Hà
5	7050601	Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai	3	TS Trần Thùy Dương
6	7050501	Các phương pháp trắc địa bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	3	GS.TS Võ Chí Mỹ TS Vương Trọng Kha
II	**Nhóm các học phần tự chọn (học viên chọn 14 TC theo hướng chuyên sâu)**		**14**	
II.1	**Hướng chuyên sâu Trắc địa công trình**		**14**	
7	7050102	Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa	3	PGS.TS Nguyễn Quang Phúc TS Lê Đức Tình
8	7050103	Thiết kế tối ưu lưới trắc địa công trình	3	PGS.TS Nguyễn Quang Phúc TS Phạm Quốc Khánh
9	7050104	Trắc địa công trình biển	3	PGS.TS Nguyễn Quang Thắng PGS.TS Trần Viết Tuấn
10	7050105	Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng	3	PGS.TS Trần Viết Tuấn

				PGS.TS Nguyễn Quang Thắng
11	7050106	Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình	3	PGS TS Trần Khánh TS Nguyễn Việt Hà
12	7050107	Ứng dụng GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng	3	TS Đinh Thị Lệ Hà TS Phạm Quốc Khánh
13	7050108	Công tác trắc địa trong thi công xây dựng công trình có tính đặc thù	2	TS Lê Đức Tình TS Đinh Thị Lệ Hà
II.2	**Hướng chuyên sâu Trắc địa cao cấp**		**14**	
14	7050202	Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động	3	PGS.TS Đặng Nam Chinh TS Vũ Văn Trí
15	7050204	Hệ quy chiếu trắc địa	2	PGS.TS Đặng Nam Chinh TS Lê Minh Tá
16	7050205	Nghiên cứu đại dương bằng các phương pháp trắc địa	3	PGS.TS Dương Vân Phong
17	7050206	Kiểm định các thiết bị trắc địa	3	PGS.TS Dương Vân Phong
18	7050207	Cơ sở thiên văn đo lường	2	TS Vũ Văn Trí
19	7050208	Ứng dụng GPS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	2	PGS.TS Đặng Nam Chinh TS Nguyễn Văn Sáng
20	7050209	Địa thống kê	3	PGS.TS Đặng Nam Chinh
21	7050210	Đo cao vệ tinh	3	TS Nguyễn Văn Sáng
22	7050211	Đo trọng lực vệ tinh	2	TS Nguyễn Văn Sáng
II.3	**Hướng chuyên sâu Trắc địa cơ sở và địa hình**		**14**	
23	7050402	Cơ sở toán học của lý thuyết sai số đo	3	PGS.TS Trương Quang Hiếu
24	7050403	Thành lập và phân tích dữ liệu địa hình	3	TS Đinh Công Hòa
25	7050404	Ứng dụng tin học trong tính toán trắc địa	3	TS Đinh Công Hoà
26	7050204	Hệ quy chiếu trắc địa	2	PGS.TS Đặng Nam Chinh TS Lê Minh Tá
27	7050208	Ứng dụng GPS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	2	PGS.TS Đặng Nam Chinh TS Nguyễn Văn Sáng
28	7050405	Phân tích không gian	2	PGS.TS Nguyễn Quang Minh
29	7050406	Mô hình hoá bề mặt địa hình	2	PGS.TS Nguyễn Quang Minh TS. Lã Phú Hiến
30	7050407	Ứng dụng công nghệ tích hợp INS/GNSS trong công tác trắc địa, bản đồ	3	TS Dương Thành Trung
31	7050408	Chuẩn dữ liệu thông tin địa hình	3	PGS.TS Nguyễn Quang Minh
II.4	**Hướng chuyên sâu Địa chính**		**14**	
32	7050602	Mô hình hoá và phân tích dữ liệu không gian GIS	3	TS Nguyễn Thế Công TS Trần Thùy Dương
33	7050603	Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	3	TS Trần Thùy Dương PGS.TS Nguyễn Quang Minh
34	7050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	3	TS Phạm Thế Huynh TS Nguyễn Quang Khánh
35	7050605	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	3	TS Trần Thuỳ Dương
36	7050407	Lập trình ứng dụng GIS	3	TS Phạm Thế Huynh TS Trần Quốc Bình TS Đinh Hải Nam
37	7050204	Hệ quy chiếu trắc địa	2	PGS.TS Đặng Nam Chinh TS Lê Minh Tá
38	7050208	Ứng dụng GPS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	2	PGS.TS Đặng Nam Chinh TS Nguyễn Văn Sáng
39	7050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	3	TS Nguyễn Thế Công
II.5	**Hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ và quan trắc môi trường**		**14**	

40	7050202	Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động	2	PGS.TS Trần Đình Tô PGS TS Đặng Nam Chinh
41	7050502	Ứng dụng kỹ thuật laser trong trắc địa mỏ	2	TS Vương Trọng Kha TS. Bùi Thị Thanh Lan
42	7050503	Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ	2	PGS.TS Trần Đình Tô
43	7050504	Xây dựng cơ sở dữ liệu mỏ - địa chất bằng công nghệ GIS	2	PGS.TS Phạm Công Khải PGS.TS Kiều Kim Trúc
44	7050326	Công nghệ đo ảnh hiện đại trong trắc địa mỏ	2	TS. Trần Trung Anh PGS.TS Trần Đình Trí
45	7050505	Ứng dụng công nghệ mới trong nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá và bề mặt mỏ	2	TS Vương Trọng Kha
46	7050506	Tự động hoá quá trình hình học hoá khoáng sản dạng vỉa	2	PGS.TS Phạm Công Khải PGS.TS Kiều Kim Trúc
47	7050507	Ứng dụng kỹ thuật trắc địa - bản đồ trong quy hoạch môi trường	3	GS. Võ Chí Mỹ
48	7050508	Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường	3	GS. TS. Võ Chí Mỹ TS Vương Trọng Kha
49	7050509	Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược	2	GS TS Võ Chí Mỹ
50	7050510	Cơ sở dữ liệu môi trường	2	PGS.TS Nguyễn Trường Xuân
51	7050511	Mô hình hoá các đối tượng trong lòng đất	2	PGS.TS Phạm Công Khải PGS.TS Nguyễn Xuân Thuỵ
52	7050512	Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên	2	PGS.TS Kiều Kim Trúc
53	7050301	Công nghệ viễn thám	2	PGS.TS Nguyễn Trường Xuân PGS.TS Trần Xuân Trường
54	7050513	Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian Quốc gia	2	PGS.TS Nguyễn Trường Xuân TS. Võ Anh Tuấn
III	7050130 7050230 7050430 7050530 7050630	**Luận văn thạc sĩ**	**13**	
		Tổng	**45**	

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên nhóm kiến thức và học phần	K.lượng (TC)					Học kỳ
			Tổng	LT	BT	TH	TL	
I	**Nhóm các học phần bắt buộc**		**18**					
I.1	**Các học phần học chung**		**3**					
1	7020101	Triết học	3					1
I.2	**Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu**		**15**					
2	7050201	Định vị không gian	3	3	0	0	0	1
3	7050401	Tính toán bình sai trắc địa	3	3	0	0	0	1
4	7050101	Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình	3	2	1	0	0	1
5	7050601	Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai	3	2	1	0	0	1
6	7050501	Các phương pháp trắc địa bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	3	2,5	0,5	0	0	2
II	**Nhóm các học phần tự chọn (học viên chọn 14 TC theo hướng chuyên sâu)**		**14**					
II.1	**Hướng chuyên sâu Trắc địa công trình**		**14**					

7	7050102	Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa	3	2	1	0	0	2
8	7050103	Thiết kế tối ưu lưới trắc địa công trình	3	2,3	0,7	0	0	2
9	7050104	Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng	3	2,5	0,5	0	0	2
10	7050105	Trắc địa công trình biển	3	2	1	0	0	2
11	7050106	Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình	3	2	1	0	0	2
12	7050107	Ứng dụng GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng	3	2	1	0	0	2
13	7050108	Công tác trắc địa trong thi công xây dựng công trình có tính đặc thù	2	2	0	0	0	2
II.2	**Hướng chuyên sâu Trắc địa cao cấp**		**14**					
14	7050202	Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động	3	3	0	0	0	2
15	7050204	Hệ quy chiếu trắc địa	2	1,6	0,4	0	0	2
16	7050205	Nghiên cứu đại dương bằng các phương pháp trắc địa	3	2,5	0,5	0	0	2
17	7050206	Kiểm định các thiết bị trắc địa	3	2,5	0,5	0	0	2
18	7050207	Cơ sở thiên văn đo lường	2	1,86	0,14	0	0	2
19	7050208	Ứng dụng GPS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	2	1,86	0,14	0	0	2
20	7050209	Địa thống kê	3	2,5	0,5	0	0	2
21	7050210	Đo cao vệ tinh	3	3	0	0	0	2
22	7050211	Đo trọng lực vệ tinh	2	2	0	0	0	2
II.3	**Hướng chuyên sâu Trắc địa cơ sở và địa hình**		**14**					
23	7050402	Cơ sở toán học của lý thuyết sai số đo	3	3	0	0	0	2
24	7050403	Thành lập và phân tích dữ liệu địa hình	3	3	0	0	0	2
25	7050404	Ứng dụng tin học trong tính toán trắc địa	3	3	0	0	0	2
26	7050204	Hệ quy chiếu trắc địa	2	2	0	0	0	2
27	7050208	Ứng dụng GPS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	2	2	0	0	0	2
28	7050405	Phân tích không gian	3	3	0	0	0	2
29	7050406	Mô hình hoá bề mặt địa hình	2	1,3	0,7	0	0	2
30	7050407	Ứng dụng công nghệ tích hợp INS/GNSS trong công tác trắc địa, bản đồ	3	3	0	0	0	2
31	7050408	Chuẩn dữ liệu thông tin địa hình	3	3	0	0	0	2
II.4	**Hướng chuyên sâu Địa chính**		**14**					
32	7050602	Mô hình hoá và phân tích dữ liệu không gian GIS	3	3	0	0	0	2
33	7050603	Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	3	1.6	1.4	0	0	2
34	7050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	3	2	1	0	0	2
35	7050605	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	3	2	1	0	0	2
36	7050407	Lập trình ứng dụng GIS	3	2	1	0	0	2
37	7050204	Hệ quy chiếu trắc địa	2	1,6	0,4	0	0	2
38	7050208	Ứng dụng GPS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	2	1,7	0,3	0	0	2
39	7050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	3	3	0	0	0	2
II.5	**Hướng chuyên sâu Trắc địa mỏ và quan trắc môi trường**		**14**					
40	7050502	Ứng dụng kỹ thuật laser trong trắc địa mỏ	2	1,5	0,5	0	0	2
41	7050503	Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ	2	1,7	0,3	0	0	2
42	7050202	Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động	3	3	0	0	0	2

43	7050326	Công nghệ đo ảnh hiện đại trong trắc địa mỏ	2	1,5	0,5	0	0	2
44	7050504	Xây dựng cơ sở dữ liệu mỏ địa chất bằng công nghệ GIS	2	1,6	0,4	0	0	2
45	7050505	Ứng dụng công nghệ mới trong nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá và bề mặt mỏ	2	1,6	0,4	0	0	2
46	7050506	Tự động hóa quá trình hình học hóa khoáng sản dạng vỉa	2	1,7	0,3	0	0	2
47	7050507	Ứng dụng kỹ thuật trắc địa- bản đồ trong quy hoạch môi trường	3	2,5	0,5	0	0	2
48	7050508	Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường	3	2,5	0,5	0	0	2
49	7050509	Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược	2	1,7	0,3	0	0	2
50	7050510	Cơ sở dữ liệu môi trường	2	1,5	0,5	0	0	2
51	7050511	Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất	2	1,3	0,7	0	0	2
52	7050301	Công nghệ viễn thám	2	1,5	0,5	0	0	2
53	7050512	Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên	2	1,5	0,5	0	0	2
54	7050513	Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian Quốc gia	2	1,5	0,5	0	0	2
III	7050130 7050230 7050430 7050530 7050630	**Luận văn thạc sĩ**	**13**					3
		Tổng	**45**					

KT. **HIỆU TRƯỞNG**

KHOA TRẮC ĐỊA - BĐ VÀ QLĐĐ

TS Trần Thùy Dương

NHỮNG HỌC PHẦN BỘ MÔN TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH QUẢN LÝ

TT	Mã số	Học phần	K.lượng (TC)	Ngành đào tạo
1	7050101	Ứng dụng công nghệ mới trong trắc địa công trình	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	7050102	Nghiên cứu biến dạng công trình bằng phương pháp trắc địa	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	7050103	Thiết kế tối ưu lưới trắc địa công trình	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	7050104	Trắc địa công trình biển	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	7050105	Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	7050106	Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	7050107	Ứng dụng GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
8	7050108	Công tác trắc địa trong thi công xây dựng công trình có tính đặc thù	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
9	7050130	Luận văn thạc sĩ	13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ

NHỮNG HỌC PHẦN BỘ MÔN TRẮC ĐỊA CAO CẤP QUẢN LÝ

TT	Mã số	Học phần	K.lượng (TC)	Ngành đào tạo
1	7050201	Định vị không gian	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	7050202	Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	7050204	Hệ quy chiếu trắc địa	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	7050205	Nghiên cứu đại dương bằng các phương pháp trắc địa	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	7050206	Kiểm định các thiết bị trắc địa	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	7050207	Cơ sở thiên văn đo lường	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	7050208	Ứng dụng GPS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý
8	7050209	Địa thống kê	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
9	7050210	Đo cao vệ tinh	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
10	7050211	Đo trọng lực vệ tinh	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
11	7050230	Luận văn thạc sĩ	13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ

NHỮNG HỌC PHẦN BỘ MÔN TRẮC ĐỊA PHỔ THÔNG VÀ SAI SỐ QUẢN LÝ

TT	Mã số	Học phần	K.lượng (TC)	Ngành đào tạo
1	7050402	Cơ sở toán học của lý thuyết sai số đo	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	7050403	Thành lập và phân tích dữ liệu địa hình	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	7050404	Ứng dụng tin học trong tính toán trắc địa	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	7050405	Phân tích không gian	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	7050406	Mô hình hoá bề mặt địa hình	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	7050407	Lập trình ứng dụng GIS	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	7050408	Ứng dụng công nghệ tích hợp INS/GNSS trong công tác trắc địa, bản đồ	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
8	7050409	Chuẩn dữ liệu thông tin địa hình	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
9	7050430	Luận văn thạc sĩ	13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
10	7050430	Luận văn thạc sĩ	8	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ

NHỮNG HỌC PHẦN BỘ MÔN ĐỊA CHÍNH QUẢN LÝ

TT	Mã số	Học phần	K.lượng (TC)	Ngành đào tạo
1	7050601	Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	7050602	Mô hình hoá và phân tích dữ liệu không gian GIS	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	7050603	Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	7050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	7050605	Hệ thống quản lý biến động đất đai	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	7050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	7050630	Luận văn thạc sĩ	13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ

NHỮNG HỌC PHẦN BỘ MÔN TRẮC ĐỊA MỎ QUẢN LÝ

TT	Mã số	Học phần	K.lượng (TC)	Ngành đào tạo
1	7050501	Các phương pháp trắc địa- bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	7050502	Ứng dụng kỹ thuật laser trong trắc địa mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	7050503	Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	7050504	Xây dựng cơ sở dữ liệu mỏ- địa chất bằng công nghệ GIS	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	7050505	Ứng dụng công nghệ mới trong nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá và bề mặt mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	7050506	Tự động hóa quá trình hình học hóa khoáng sản dạng vỉa	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	7050507	Ứng dụng kỹ thuật trắc địa- bản đồ trong quy hoạch môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
8	7050508	Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
9	7050509	Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
10	7050510	Cơ sở dữ liệu môi trường	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
11	7050511	Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
12	7050512	Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
13	7050513	Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian Quốc gia	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
14	7050530	Luận văn thạc sĩ	13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ

NHỮNG HỌC PHẦN BỘ MÔN ĐỊA CHÍNH QUẢN LÝ

TT	Mã số	Học phần	K.lượng (TC)	Ngành đào tạo
1	7050601	Các phương pháp trắc địa bản đồ trong quản lý đất đai	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	7050602	Mô hình hoá và phân tích dữ liệu không gian GIS	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	7050603	Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	7050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	7050605	Hệ thống quản lý biến động đất đai	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	7050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	7050630	Luận văn thạc sĩ	13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ

NHỮNG HỌC PHẦN BỘ MÔN TRẮC ĐỊA MỎ QUẢN LÝ

TT	Mã số	Học phần	K.lượng (TC)	Ngành đào tạo
1	7050501	Các phương pháp trắc địa- bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	7050502	Ứng dụng kỹ thuật laser trong trắc địa mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	7050503	Ứng dụng công nghệ GNSS trong trắc địa mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	7050504	Xây dựng cơ sở dữ liệu mỏ- địa chất bằng công nghệ GIS	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	7050505	Ứng dụng công nghệ mới trong nghiên cứu dịch chuyển biến dạng đất đá và bề mặt mỏ	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	7050506	Tự động hóa quá trình hình học hóa khoáng sản dạng vỉa	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	7050507	Ứng dụng kỹ thuật trắc địa- bản đồ trong quy hoạch môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
8	7050508	Công nghệ địa tin học quan trắc môi trường	3	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
9	7050509	Công nghệ địa tin học trong đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến lược	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
10	7050510	Cơ sở dữ liệu môi trường	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
11	7050511	Mô hình hóa các đối tượng trong lòng đất	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
12	7050512	Công tác trắc địa giám sát độ ổn định bờ mỏ lộ thiên	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
13	7050513	Cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian Quốc gia	2	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
14	7050530	Luận văn thạc sĩ	13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ